



CỰU ĐỆ TỬ DCCT SYDNEY HỌP MẶT MỪNG XUÂN TÂN SỬU 2021

Đã lâu lắm rồi, kể từ Tết Canh Tý cho đến nay là Tết Tân Sửu, anh chị em chúng tôi như bị cấm cung tại nhà, nội bắt xuất, ngoại bắt nhập, ai ai cũng phải tu tại gia bắt đắc dĩ vì đại dịch covid Vũ Hán lây lan khắp nơi, gieo rắc sợ hãi từ Đông sang Tây, Thần chết đem lưới hái cướp đi mạng sống con người, nhất là những cụ cao niên, gieo rắc tang tóc đau thương, chưa bao giờ năm châu rơi vào cảnh tang tóc như hiện tại.

Theo thông lệ, mỗi năm vào dịp Tết nguyên đán,



GDAP Sydney bao giờ cũng tổ chức họp mặt để đón Xuân, nhưng năm nay đại dịch covid Vũ Hán vẫn còn hoành hành, chính phủ Úc đề ra đủ thứ luật lệ nào là luật cách ly, nào là luật giãn cách, nào là luật giới hạn số người tụ tập, vân vân và vân vân. Cũng vì vậy, GDAP Sydney đã ph ải hủy bỏ họp mặt mừng Xuân năm nay.

Tuy nhiên, các anh em cựu đệ tử DCCT Sydney vào giờ thứ hai mươi lăm đã đi đến quyết định tổ chức một cuộc họp mặt thu nhỏ mà thành phần tham dự chỉ gồm các cựu đệ tử và không mời các thân hữu và cảm tình viên vì luật tụ họp trong nhà không được quá 30 người vẫn còn đang được áp dụng.

Có anh em đặt ra câu hỏi là ai đã nêu ra ý kiến anh em họp mặt mừng Xuân?

Thông thường, những bạn trẻ bao giờ cũng có những ý tưởng mới lạ, sáng tạo, khác với những anh em cao niên đầu óc không còn bén nhạy như thời còn trai trẻ nữa.

Xin anh chị em chúng ta cùng hoan hô cặp Duy Lâm - Phương Anh tuổi trẻ tài cao đã gợi ý với anh Vũ Nhuận là chúng ta có tổ chức mừng Xuân năm nay hay không, vì lâu rồi anh em đâu có dịp gặp gỡ hàn huyên. Thế là Anh Vũ Nhuận bèn phone cho hai anh Dzũng Chương để hội ý và sau khi bàn bạc đã đi đến



thống nhất đặt tiệc tại nhà hàng Bạch Đằng, Canley Vale. Thế là Anh chị Chương Lê mau mắn tới ngay nhà hàng để đặt tiệc. Vì chị Lê có quen biết cô Huệ là chủ nhà hàng nên anh em được cô chủ ưu ái cho xử dụng một phòng riêng biệt dù số người không nhiều.

Đến hẹn lại lên, vào tối thứ năm ngày 04 tháng 2 năm 2021, tuy chưa đến hẹn nhưng anh chị em chúng tôi gồm 20 thành viên đã có mặt gần như đầy đủ. Anh Vũ Nhuận đã có sáng kiến độc đáo là mỗi anh chị nào khi tới nơi, anh chị đó sẽ được choàng cổ một tấm thẻ trên có ghi: “*Gia đình AnPhong Sydney chúc mừng anh, hoặc chị ... Năm mới Tân Sửu 2021 An Khang Hạnh Phúc.*” Tấm thẻ này cũng giống như tấm thẻ ID các quan chức đeo vào cổ mỗi khi tham dự hội nghị. Xin hoan hô anh Vũ Nhuận và Bích Nông đã bỏ ra công sức để thực hiện và hoàn chỉnh những tấm thẻ trông thật tinh vi và dễ thương.



Cụu đệ tử có mặt gồm có các anh chị Trần ngọc Tá, Vũ Nhuận, Phạm văn Chương, Nguyễn đắc Dzũng, Lê Duy Phước, Nguyễn văn Dũng, Nguyễn duy Lâm, Nguyễn công Thành, Anh Nguyễn Kim Linh, chị Bích Thủy và chị Chi vào giờ chót đi một mình vì anh Dũng bị đau. Rất tiếc cha Giuse Mai văn Thịnh đã không thể sắp xếp để tới chung vui cùng anh em vì ngài bận công việc .

Cũng như trong bao nhiêu sinh hoạt, anh Vũ Nhuận bao giờ cũng là người điều khiển chương trình một cách chuyên nghiệp. Nghề MC của anh thì anh cứ an tâm, chẳng ai dành cái nghề của anh đâu. Tiệc họp mặt mừng Xuân được bắt đầu ngay sau khi anh Chương đọc lời kính xin Chúa chúc lành trước bữa ăn. Thực đơn bữa nay bao gồm nào là gỏi đu đủ tôm thịt, chim cút quay, điệp xào hành, tôm rang me, lẩu thập cẩm, cơm chiên, cá hấp và sau cùng là trái cây, mà món ăn nào cũng hấp dẫn. Tiệc nào thì cũng phải có rượu. Tiệc cưới Cana năm xưa giờ chót thiếu rượu và Chúa đã làm phép lạ đầu tiên nước hoá thành rượu. Nếu phe ta có rượu *Johnny Walker Black Label* do anh Phạm Văn Chương có nhã ý mời anh em, và rượu đỏ do anh Nguyễn Đắc Dzũng đem tới, thì các chị cũng có rượu khai vị *Sparkling* do anh Chương tặng.

Đặc biệt tiệc này nam nữ thụ thụ bất thân, vì các anh ngồi bàn riêng, các chị ngồi bàn riêng. Rượu vào lời ra, phe ta khi ly khi tô, tha hồ chén chú chén anh mà không phải rụt rè vì nếu bà xã ngồi kề bên thì thế nào cũng bị nhắc khéo. Bàn các chị lúc đầu thưởng thức rượu sparkling, tuy rượu chưa kịp ngấm vào nhưng Phương Anh đã lên tiếng khen rượu sao mà ngon vậy, may quá anh Chương đã mang đến hai chai rượu khai vị nên Anh Đắc Dzũng liền mở ngay chai thứ hai để các mợ tha hồ nhâm nhi.

Phải khen anh Vũ Nhuận tuy đã thất thập nhưng còn rất ngon cơm và lúc nào cũng có sáng kiến hay. Đó là sáng kiến tặng quà cô chủ nhà hàng Bạch Đằng. Thế là cô Huệ được mời tới và anh Vũ Nhuận sau đôi lời đã trao tặng cô chủ một món quà là chai rượu có dán hình Cha Thánh An Phong, cô chủ xem ra vô cùng cảm động vì món quà bất ngờ này và liên tục cảm ơn anh Vũ Nhuận và anh em làm tất cả cũng thơm lây. Nhưng sau cùng vào lúc ra về, cô chủ đã trao cho chị Lê \$AUD50 nhờ trao lại cho tôi. Hoan hô anh Vũ Nhuận thật cao kiến, thả con tép nhưng lại bắt được con tôm, thế là quý GDAP Sydney nhập thêm tiền nhờ tài khéo léo của Anh Vũ Nhuận.



Sau phần tiệc tùng thì đến phần sinh hoạt, bao giờ anh Trần Ngọc Tá cũng là người thông tin về những gì mới nhất cho anh em. Sau đó là phần cởi mở tâm tình cũng là sáng kiến của anh Vũ Nhuận. Anh Nguyễn Đắc Dzũng bữa nay có thể vì ma men ám ảnh sao đó nên cách ăn nói thật khác lạ, đúng là rượu vào lời ra.



Anh Vũ Nhuận còn một tin rất vui là mặc dầu GDAP SYDNEY đã tạm thời ngưng các sinh hoạt kể từ tháng 2/2020, tuy nhiên nhóm những người bạn của chị Phụng (Tinh) vẫn có nhã ý yểm trợ công việc truyền giáo của DCCT/VN số tiền \$AUD1500.00; và trước đây vào dịp Tết, anh Trần trọng Dũng cũng gởi \$AUD500.00 cùng mục đích trên.

Như vậy, tổng số tiền là \$AUD2000.00. Các ân nhân trong nhóm bạn bè của chị Phụng gồm:

Chị Tuyết	\$700
Cô Thả	\$100
Chị Hoá	\$100
Chị Phụng	\$100
Ông Đính	\$200
Chị Hồ ngọc Loan	\$100
Chị Đào Hường	\$100
Chị Vọng	\$100

Xin hoan hô Chị Phụng bao giờ cũng hết lòng tìm cách giúp đỡ DCCT/VN. GDAP Sydney xin thay mặt các Cha có tên nhận quà chân thành gởi đến từng quý vị ân nhân lời cảm tạ sâu sắc và nguyện xin Chúa trả công bội hậu cho mỗi vị. Số tiền \$AUD 2000.00 đã được chia đều chuyển về cho 4 giáo điểm truyền giáo tại quê nhà như sau:

- 1- Lm *Giuse Nguyễn Văn Tĩnh* DCCT, nhà thờ Công giáo Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.
- 2- Lm *Hoàng Quý Ân* DCCT, nhà thờ công giáo *Ploi Athai*, thị trấn Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai
- 3- Lm *Đình Hữu Thoại* DCCT, nhà thờ công giáo Tiên Phước, Tiên Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- 4- Lm *Trần Minh Quang* DCCT, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc Tỉnh Long An.

Đây là những giáo điểm nằm tại những nơi xa xôi hẻo lánh, đèo heo hút gió, thiếu thôn tiền nghi, nên cần được quan tâm cách đặc biệt.

Mới hơn 10 giờ đêm, chuyện trò còn đang rôm rả, các anh chị lần lượt nói lên tâm sự của mình trong mùa đại dịch, thế nhưng phòng ăn chính bên ngoài sao mà im hơi lặng tiếng thế, thì ra thực khách đã ra về tất cả rồi, và nhân viên nhà hàng đã thu dọn đĩa bát sạch sẽ, chuẩn bị về nhà nghỉ ngơi sau một ngày làm việc mệt mỏi. Thế là anh chị em chúng tôi chẳng nói chẳng rằng, thấy rằng đã đến lúc nên chấm dứt lúc này, để nhân viên nhà hàng còn dọn dẹp.

Tuy ra về, nhưng anh chị em hình như vẫn còn lưu luyến vì hình như thiếu giờ hàn huyên. Rất mong chúng ta sẽ họp mặt mừng lễ Cha Thánh An Phong sắp tới vào tháng tám này, lúc đó đại dịch đã bị xóa sổ nhờ vào những liều thuốc chích ngừa thần diệu, anh chị em sẽ gặp mặt trò chuyện thoải mái hơn, an lòng hơn.

Mây Chiều ghi nhanh

HÃY TRỖI DẬY VÌ NGƯỜI ĐÃ PHỤC SINH

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

Anh chị em thuộc Giáo Hội Công Giáo bên Đông Phương có thói quen nhắc nhở nhau trong ngày mừng lễ Phục sinh: Chúa đã sống lại thật. Và, ngay cả chúng ta, những người may mắn sống trên đất Úc cũng bị ảnh hưởng bởi nền văn hoá Phương Tây, nên kể từ sau Lễ Vọng Phục Sinh, mỗi khi gặp nhau, chúng ta cũng trao cho nhau lời chúc mừng Happy Easter. Đây là thói quen tốt. Nhưng tôi e ngại đó chỉ là những công thức, những ngôn từ suông, không chứa đựng một sứ điệp hay một chút cảm xúc gì!

Trong giây phút này, tôi không dám nói thêm về các giáo điều hay giải thích thêm về ý nghĩa của màu nhiệm mà chúng ta đang mừng. Dù có muốn cũng chẳng biết nói gì!

Tuy nhiên, qua mấy ngày vừa qua, tôi vẫn loay hoay tự hỏi tại sao một người vô tội như Đức Giêsu mà Philato đã không dám kết án lại bị chết như một tử tội. Nói theo ngôn ngữ của các cháu hôm nay 'it's not fair – thật là bất công'

Thật vậy làm sao chúng ta có thể nói 'it is fair' khi còn biết bao nhiêu người vô tội vẫn bị chết thảm thương. Cụ thể, vào Chúa Nhật Lễ Lá, ngày 28 tháng 3 vừa qua, một cuộc đánh bom nhắm vào những người Công giáo, họ vừa tham dự Thánh lễ tại nhà thờ chính tòa Thánh Tâm Chúa Giê-su trên đảo *Sulawesi* làm cho ít nhất 14 tín hữu đã bị thương. Tưởng cũng nên nhắc lại, vào tháng 5 năm 2018, ba năm trước đây, một số nhà thờ bên *Indonesia* đã bị đánh bom. Số phận của những tín hữu bên *Indonesia* và các nước Trung Đông vẫn bị đe dọa. Họ nhận được những lời hăm dọa của một số tổ chức cực đoan, cuồng tín nhằm chống phá các sinh hoạt của Hội Thánh Công Giáo tại một số quốc gia mà số người theo Chúa chỉ là thiểu số.

Gần đây, trên các bản tin chúng ta được nghe về số phận của các thường dân vô tội nhất là các trẻ em vẫn đang bị giết bên Myanmar!

Ngoài ra, trên thế giới vẫn còn những người đang chết dần mòn vì nghèo đói. Vẫn còn những người đang kéo lê cuộc sống vì những căn bệnh hiểm nghèo. Vẫn còn những trẻ thơ đang bị giam kín trong các trại giam của cô đơn; bị bỏ rơi và thiếu tình thương của các bậc sinh thành. Vẫn còn những trái tim đang tan nát vì bị phản bội hay bị lợi dụng. Vẫn còn những con người không còn tương lai, hay tương lai đang bị chôn vùi bởi những nắm mồ đen tối không lối thoát. Và, còn bao nhiêu cái 'vẫn đang xảy ra' như sự hoành hành của Covid-19 vẫn đe dọa cuộc sống của con người tại hầu hết các nơi trên thế giới và còn nhiều chuyện riêng tư 'đang xảy ra' xung quanh chúng ta nữa!

Đó là những câu chuyện lớn. Còn trong cuộc sống, chúng ta đã trải qua các kinh nghiệm bị thương như bị lâm vào cảnh cô đơn, bị ruồng rẫy, bị phản bội, bị lợi dụng, bị phụ tình, nạn nhân của ghen tuông, bị nhạo báng, chịu sỉ nhục, sống trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan... muốn nói ra mà không biết giải thích làm sao. Một sự im lặng, câm nín không lối thoát bao vây đời mình. Và lúc đó chúng ta chỉ thấy cuộc đời chỉ là màn đen, bóng tối đang bao phủ và hầu như không lối thoát.

Trong cảnh ngộ đó, nhiều người đã tìm một giải pháp để thoát; họ không còn đủ tỉnh táo để nhận ra đâu là việc cần làm, đâu là việc nên tránh; qua việc tìm kiếm để được giải thoát họ chỉ muốn không còn bị đau khổ nữa; nói khác đi họ đã quá đau, trong cơn đau quằn quại của thể xác, tâm trí hoảng loạn, họ chỉ muốn hết khổ. Còn chúng ta, những tín hữu của Chúa biết tìm vào đâu?

Như các Tông đồ và các tín hữu của Giáo Hội tiên khởi, chúng ta tưởng mọi sự như đã kết thúc vào chiều ngày Thứ sáu Tuần Thánh. Đức Kitô trần trụi trên Thập giá tưởng như cũng bị bó tay. Làm như sự ác đã chiến thắng! Nhưng, thật ngạc nhiên! Vì, chính lúc đó, Thiên Chúa lại can thiệp.

Thưa anh chị em, nhất là những ai đã từng trải qua một vài kinh nghiệm nói trên hãy cùng tôi đi thêm một bước nữa, bước mà chúng ta cùng với toàn thể Hội Thánh cử hành hôm nay.

Đức Giêsu đã sống lại ngay trong lúc mà chúng ta tưởng như Người đã bị bó tay. Người vẫn đang sống trong hoàn cảnh bó tay mà chúng ta đang phải đối diện. Nhận ra cảm nhận như thế, mới biết Phục sinh là ánh sáng soi đường. Có kinh nghiệm như thế mới biết sự sống cần và quan trọng như thế nào.

Sự thinh lặng mà Hội Thánh mời gọi chúng ta đi vào từ khi Chúa chết cho đến bây giờ nhắc cho chúng ta biết về thân phận 'bị bó tay' của mình: không đường đi, không lối thoát. Chúng ta bị bó tay, Đức Kitô trần trụi trên Thập giá tưởng chừng như cũng bị bó tay... Nhưng

chính lúc đó là lúc Thiên Chúa làm việc và can thiệp vào tình trạng 'bị bó tay' của nhân loại và của riêng mỗi người chúng ta.

Ánh sáng Phục Sinh đã bùng lên trong đêm tối của cuộc đời.

Ánh sáng Phục Sinh đã đem đến cho cuộc đời một ý nghĩa mới, mục đích mới. Và chỉ có ai cảm nhận được sự can thiệp đó của Thiên Chúa mới biết niềm vui là gì và từ đó mới có thể đem niềm vui cho người khác.

Chúa Phục sinh không cất đi những bi thảm của cuộc đời tôi; nhưng chính Người đã ôm lấy những bi thảm đó. Tôi không còn cô đơn, ngã gục nhưng Phục sinh đã giúp tôi nhận ra rằng Chúa đang hiện diện và ôm tất cả những nghịch cảnh của cuộc đời vào lòng Người và ban cho tôi sức mạnh để nâng tôi dậy.

Chúa Phục Sinh đem đến cho tôi niềm hy vọng. Hy vọng và xác tín rằng ngay lúc đen tối nhất Thiên Chúa không bỏ rơi Con Ngài thì Ngài cũng không bỏ rơi tôi. Can đảm, mạnh dạn mà tiến bước là thái độ sống mà tôi học được qua Phục sinh.

Phục Sinh giúp tôi hiểu rằng sức mạnh oai phong của Thiên Chúa giúp tôi chấp nhận thực tại của đời sống như: bị hiểu lầm, bị đối xử thiếu công bằng; ngay cả lúc tôi trao đi tình yêu của mình, nhưng bù lại bằng sự lạnh nhạt hay phản bội của đối phương; và nhất là không còn sức để đối diện với sự thật về đời mình, về người khác.... Đức Kitô Phục sinh giúp tôi chỗi dậy để chấp nhận với niềm tin rằng Ngài vẫn sống trong cảnh ngộ của tôi.

Chúng ta đừng nghĩ rằng Người đã rời xa tôi. Không, Người vẫn sống, một cách thật thâm lặng – như hạt lúa gieo vào lòng đất - mục nát – chờ ngày trở sinh hoa trái

Chúng ta không thể tách cuộc khổ nạn của Chúa trong ngày thứ Sáu, sự thinh lặng hầu như quá khó hiểu của ngày thứ Bảy ra khỏi mầu nhiệm Phục Sinh mà chúng ta đang cử hành. Tất cả được liên kết trong bàn tay thật tuyệt diệu của Thiên Chúa, Đấng ban cho chúng ta sự sống và sự sống thật sung mãn để chúng ta vào đời với tâm hồn vui tươi, hân hoan vì có Chúa Phục sinh ở cùng.

Đây không phải là điều mà chúng ta đạt được. Nhưng hoàn toàn là do ân huệ của Thiên Chúa, của Chúa Thánh Thần, sức riêng sao đạt được. Vậy xin Chúa sai Thần Khí Chúa xua đuổi lối sống bi quan yếm thế để chúng con tin vào sự hiện diện của Chúa, đáng đang sống trong cảnh ngộ của từng cá nhân, rồi bước đi trong yêu thương.

Tất cả đang đợi chờ ơn Phục Sinh. Thế giới đang bị ảnh hưởng bởi lối sống vô cảm vẫn cần niềm hy vọng; những người đang trải qua những bi kịch của đời sống đang cần đến ánh sáng. Vậy chúng ta hãy mạnh dạn mà tiến bước vì có Chúa Phục sinh đang ở cùng. Alleluia

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

“Đêm Chớm Ngày Tàn”

Trần Ngọc Mười Hai _____

*“Đêm chớm ngày tàn,
theo tiếng xe về, lăn về viễn phố
“Em hỡi sương rơi,
ngoài song đêm hạ, ôi buồn phố xá
“Hoang liêu về chết tha ma, tiếng chân gõ guốc xa xa
“Người xa vắng người, người xa vắng người...
(Thơ: Cung Trầm Tưởng - Nhạc: Phạm Duy)*

Ôi thôi! là “*Nỗi buồn phố xá hoang liêu về chết trong ta*” và trong người, cả một đời!
Ôi chà, là “*tiếng gõ guốc xa xa, người xa vắng người!*” Những xa và vắng nhiều thế hệ trong đó có cả tôi và nhiều người. Cũng dễ hiểu.

Hôm nay đây, tôi và người vẫn xa và vắng nhau vì cứ mãi sống kiểu “bên ni bên nó”, lại còn cảm nhận chuyện “*sương rơi ngoài song đêm hạ*” hoặc “*hoang liêu về chết trong ta*” cả hồn mình, hồn người, ở trong đời.

Hôm nay đây, dịch *Côrona vi-rút* cũng đã, đang và sẽ còn giết ta và nhiều người không chỉ mỗi thân xác yếu mềm thôi, mà cả tấm lòng nhân hậu vốn là sở trường của tôi, của bạn của nhiều người trong thánh Hội của Chúa.

Chẳng thế mà, tác giả nọ còn gióng lên lời tra hỏi nghe qua đã thấy sợ, vì nó cứ luẩn quẩn trong đầu người đọc, mãi không thôi. Lấn cấn chỉ một câu hỏi giản đơn như bậc thầy ở xứ người từng

viết lên cuốn sách có đầu đề là “*Did Jesus exist*” (Phải chăng “Đức Giêsu từng hiện hữu?”) Nghe hỏi, người viết thấy như có lời ca mà nghệ sĩ cứ hát mãi, những lời rằng:

*“Em có nghe ròn rã bước ai vất vả bóng ai chập chòn?
Hồn ai cô đơn tìm về ấm cúng
Em có nghe bi ai tình ai ấp úng
Thương ai lạc loài, ăn mày xán lạn ngày mai
Đêm ni ai say đất lở, em ơi có nghe rạn vỡ
Vạn mảnh ly tan theo chuỗi cười.
Bên tê thành phố trắng lệ
Giai nhân nằm khoe lửa thề
Bên ni phố vắng ôi lòng ngoại ô.*

*Em có nghe hồ như bước ai gõ nhịp bước ai giang hồ?
Hẹn ai bên ni dài in ngõ cũ
Em có nghe bên ni lạnh như bên nó?
Phút giây chia lìa, trong lòng vẫn phải đèo mong
Hai tâm linh giam kín lại
Bấm đốt ngón tay chờ đợi
Chờ ngày con thơ, thơ cũng ra đời
Em ơi ngoài kia liếp ngõ
Sương rơi ngoài song khép hờ
Bên trong kín gió ấm ơi là tình.”*
(Thơ: Cung Trầm Tưởng- Nhạc: Phạm Duy – bđd)

À thì ra, đây là lời ngỏ cứ lan man, tản mạn trong đầu người đọc hoặc người viết, chỉ ít là khi tác giả lại cứ thanh minh mà rằng:

“Thực tế mà nói, Đức Giêsu không là nhân-vật lịch sử riêng-tự của thế kỷ 21 chuyên nói thứ ngôn ngữ của người Mỹ Đức, Anh hoặc nước nào khác. Ngài cũng không nhất thiết phải là và không là người Do-thái sống tại Palestine ở thế kỷ đầu đời nào đâu. Ngài không giống chúng ta, thế cho nên nếu ta biến Ngài giống như ta tức là ta đã biến một Giêsu lịch sử thành nhân vật do ta kiến tạo cho mình vì mục đích nào đó của mình, mà thôi.

Đức Giêsu cũng chẳng nhận ra được chính con người của Ngài trong các bài giảng của ta hôm nay. Ngài chẳng hiểu biết chút gì về thế giới ta đang sống. Ngài không theo tư-bản chủ nghĩa cũng chẳng hiểu thế nào là thứ doanh-thương tự mình làm chủ. Ngài chẳng bao giờ hỗ-trợ chủ trương làm giàu hoặc tạo mẫu mực chính đáng trong cuộc sống. Ngài không tin tưởng hệ thống giáo dục tôn thờ, lại chẳng bao giờ nghe hoặc để tâm đến cái gọi là nền dân-chủ. Ngài chẳng có gì bận tâm đến chuyện đi nhà thờ ngày Chủ nhật. Ngài không biết tí gì về an sinh xã-hội, tem phiếu, trợ cấp, các chủ-trương làm giàu nước Mỹ, hoặc số người thất nghiệp hoặc chính sách di dân nhập cảnh. Ngài cũng chẳng có quan-điểm gì về việc cải tổ thuế má, chăm sóc sức khỏe người dân (ngoại trừ việc chữa lành người phong cùi) và/hoặc chính sách an sinh xã-hội nào hết.
(Bart D. Ehrman – sđd tr. 334-335)

Trong tâm tình xuất phát từ tản mạn trên, lại thấy có giọng chảy thơ/văn đầy “kỳ tích” những kể rằng:

“Trong thế chiến thứ hai, có một người đàn ông họ Wall tên là Martin. Martin Wall là một tù nhân chiến tranh, bị giam tại trại tù binh ở Siberia, từ đó anh phải rời xa quê hương Ukraina, bỏ lại người vợ Anna và cậu con trai Jacob của mình. Martin và gia đình mỗi người một phương, bất vô âm tín, thậm chí sau khi anh bị bắt một thời gian, đến cả việc người vợ Anna sinh thêm một đứa con gái tên là Sonia mà anh cũng không hề hay biết.

Vài năm sau, Martin được trả tự do, lúc này anh kiệt quệ cả về thể chất lẫn tinh thần, nhìn vẻ bề ngoài của anh lúc bấy giờ như một ông già lợm khòm. Không những vậy, trên tay và chân của anh còn lưu lại nhiều vết sẹo, điều khiến anh đau lòng hơn nữa, là anh không còn khả năng sinh con.

Sau khi được ra tù, chuyện đầu tiên mà Martin làm là tìm kiếm vợ con mình. Cuối cùng, anh cũng nghe ngóng được tin tức của họ từ hội Chữ Thập Đỏ, người ta nói rằng vợ con anh đã chết trên đường đi tới Siberia. Martin đau khổ tột cùng và anh vẫn không hay hề biết rằng mình còn có một cô con gái trên thế gian này.

Thật ra, không lâu sau khi Martin bị bắt, Anna đã may mắn đưa được con trai Jacob chạy trốn đến nước Đức. Cô gặp được một đôi vợ chồng nông dân tốt bụng tại đó, đôi vợ chồng này đã cho mẹ con cô ở lại. Vì vậy, Anna sống yên ổn tại đó, đồng thời cô cũng giúp họ làm việc đồng áng và dọn dẹp nhà cửa. Cũng vào thời gian này, cô sinh đứa con gái Sonia. Anna tin rằng, chỉ cần Martin còn sống, họ nhất định sẽ trùng phùng, nhất định có thể tạo lập một cuộc sống mới. Nhưng, cuộc đời vốn không ai có thể biết trước. Vài năm sau đó, cuộc chiến tranh tàn khốc đã đưa nước Đức đến bờ vực của sự thất bại. Anna và con tin rằng sẽ có cơ hội để đoàn tụ với Martin.

Tuy nhiên, điều họ không ngờ là, Hồng quân Liên Xô đã tập trung những người dân di cư như họ lại, đưa họ lên một con tàu đông đúc như tàu chở súc vật, nói rằng sẽ đưa họ về nhà, nhưng thực chất là đưa họ đến trại tập trung đầy chết chóc ở Siberia.

Sau khi biết chuyện, hy vọng của Anna vụt tắt, cô cảm thấy tuyệt vọng, rồi sinh bệnh nặng. Cô biết mình không thể sống được bao lâu nữa, chỉ ngày qua ngày cầu nguyện: "Cầu xin ông trời, hãy phù hộ cho hai đứa trẻ bất hạnh của con!". Một ngày nọ, Anna gọi Jacob đến bên cạnh và nói: "Con trai của mẹ, mẹ bệnh nặng lắm rồi, có lẽ không sống được bao lâu nữa. Mẹ sẽ ở trên trời phù hộ các con. Jacob, con phải hứa với mẹ, không bao giờ được bỏ rơi em gái Sonia".

Sáng sớm hôm sau, Anna qua đời. Người ta đem thi thể của cô chất lên xe hàng và chở đến một khu nghĩa địa đầy rẫy những ngôi mộ vô danh. Còn hai đứa trẻ thì bị đem lên tàu hỏa, đưa đến một cô nhi viện gần đó.

Về phần Martin, người đang chìm đắm trong tuyệt vọng, lúc này đang làm việc như cỗ máy trong một nông trang. Một buổi sáng, Martin gặp Greta, một cô gái làm cùng nông trang với anh. Greta luôn mỉm cười để ý đến anh. Martin không ngờ rằng, cô gái luôn lạc quan yêu đời, thông minh lanh lợi này lại là bạn học ngày xưa của mình. Bôn ba nhiều nơi, trải qua bao biến cố thăng trầm, mà họ lại có thể gặp nhau ở đây, cả hai đều cảm thấy đúng là duyên phận.

Chẳng bao lâu sau, họ tổ chức hôn lễ. Martin cảm thấy cuộc sống của mình tìm lại được ánh mặt trời, cuộc sống lại trở nên có ý nghĩa. Greta cũng cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Nhưng cô luôn mong mỏi có một đứa con để yêu thương, chăm sóc.

Đến một ngày, Greta nói với chồng:

-Martin, có nhiều đứa trẻ trong cô nhi viện, chúng ta hãy nhận một đứa về nuôi có được không? Martin phản bác:

-Greta, sao em lại có ý nghĩ như vậy, anh không thể chịu thêm bất cứ sự đả kích nào nữa, em có hiểu không? Greta vô cùng buồn bã. Nhưng cuối cùng mong muốn mãnh liệt được trở thành một người mẹ của cô đã thuyết phục được Martin. Vào một buổi sáng, Martin nói với Greta:

-Em hãy đến cô nhi viện nhận nuôi một đứa trẻ đi. Greta vui mừng khôn xiết, cô lập tức lên tàu đi đến cô nhi viện.

Greta bước trên hành lang tối tăm của cô nhi viện, nhìn về phía lũ trẻ đang xếp thành hàng, chăm chú quan sát, cân nhắc. Nhìn thấy những khuôn mặt trầm mặc, những ánh mắt cầu xin của lũ trẻ, Greta chỉ muốn mở rộng vòng tay ôm lấy tất cả chúng vào lòng và đưa về nhà. Nhưng cô biết rằng, điều đó là không thể.

Đúng vào lúc này, có một đứa trẻ cười thẹn thùng bước về phía cô. Greta quỳ xuống, xoa đầu đứa trẻ:

-Cháu à, cháu có đồng ý đi theo cô không? Đến một nơi có cả cha lẫn mẹ?

-Đương nhiên cháu đồng ý, nhưng cô đợi chút, cháu đi gọi anh trai. Chúng cháu phải đi cùng nhau, cháu không thể bỏ lại anh trai mình được".

Greta cảm thấy vô cùng băn khoăn, bắt lực lắc đầu:

-Nhưng cháu à, cô chỉ có thể đưa một mình cháu đi thôi.

-Không, cháu muốn đi cùng anh trai mình. Trước đây chúng cháu cũng có mẹ, khi mẹ qua đời đã dặn anh trai không được bỏ rơi cháu.

Lúc này, Greta cảm thấy bản thân không muốn chọn bất kì đứa trẻ nào khác, bởi vì đứa trẻ trước mặt cô vô cùng đáng yêu, đã thu hút toàn bộ sự chú ý của cô. Tuy nhiên, cô nghĩ rằng mình phải về thương lượng lại với Martin.

Về đến nhà, Greta lại khẩn cầu Martin:

-Martin, có một chuyện em muốn thương lượng với anh. Em phải nhận nuôi hai đứa trẻ, bởi vì đứa trẻ mà em chọn có một người anh trai, nó không thể rời bỏ anh trai của mình. Em mong anh đồng ý nhận nuôi đứa trẻ này được không?

-Greta, vậy sao em không chọn đứa trẻ khác, mà lại nhất quyết là bé gái này? Theo anh thấy thì tốt nhất đừng chọn đứa nào cả.

Lời nói của Martin khiến Greta vô cùng đau lòng, cô thậm chí còn không muốn đến cô nhi viện nữa. Nhìn thấy bộ dạng buồn bã của Greta, trong lòng anh chợt trào dâng niềm thương cảm. Tình yêu rất cuộc lại giành chiến thắng.

Lần này, Martin và Greta cùng đi đến cô nhi viện, Martin cũng muốn gặp đứa bé gái đó. Đứa bé gái ra ngoài hành lang tiếp đón họ, lần này, cô bé nắm chặt tay cậu bé đi cùng. Đó là một cậu bé gầy gò, trông rất yếu ớt, nhưng đôi mắt của cậu bé lại ngập tràn sự dịu dàng và lương thiện. Lúc này, cô bé mở to đôi mắt sáng, nhẹ nhàng hỏi Greta:

-Cô đến đón chúng cháu phải không?

Greta chưa kịp trả lời, thì cậu bé đứng bên cạnh đã mở lời:

-Cháu đã đồng ý với mẹ là sẽ không bao giờ bỏ rơi em gái. Khi mẹ cháu mất, cháu đã hứa như vậy. Vậy nên, đáng tiếc là em gái cháu không thể đi cùng với hai người.

Martin âm thầm quan sát hai đứa trẻ vừa đáng yêu lại đáng thương này. Một lát sau, anh tuyên bố đầy quả quyết:

-Chúng tôi nhận cả hai đứa trẻ này. Martin đã bị cậu bé gầy gò ôm yếu trước mắt lay động bởi tình yêu thương của mình dành cho em gái.

Vậy là Greta đưa hai anh em đi thu dọn quần áo, Martin đến văn phòng làm thủ tục nhận nuôi. Sau khi Greta thu dọn đồ đạc, đưa hai đứa trẻ đến văn phòng, liền thấy Martin bản thân lúng túng đứng ở đó. Gương mặt trắng bệch, đôi tay run rẩy, dường như không dám kí vào thủ tục nhận nuôi.

Greta sợ hãi hỏi:

-Martin! Anh làm sao vậy? Martin?

-Greta, em nhìn những cái tên này xem! Greta nhận lấy tờ thủ tục nhận nuôi có ghi tên hai đứa trẻ:

-Jacob Wall; Sonia Wall, Mẹ: Anna (Bartel) Wall;

Cha:

-Martin Wall".

-Em có biết không Greta, hai đứa trẻ này là con ruột của anh! Một là đứa con trai mà anh tưởng rằng đã chết từ lâu, một là đứa con gái mà anh chưa từng gặp mặt!

Martin xúc động đến nỗi nước mắt nhạt nhoà, anh vừa nói vừa quỳ xuống, ôm chặt hai đứa trẻ vào lòng, anh xúc động thốt lên:

-Kỳ tích, thật là kỳ tích! Ôi! Cảm ơn trời đất đã phù hộ chúng con. Greta, nếu như không phải em đã thỉnh cầu anh nhận nuôi chúng, nếu như không có trái tim nhân ái của em, có lẽ anh đã không thể gặp được kỳ tích này rồi.

Sự thiện lương của Martin, lòng nhân ái của Greta và lời hứa đầy trách nhiệm của cậu bé Jacob, tất cả đã tạo nên một kỳ tích. Hạnh phúc thực sự luôn tồn tại, chỉ cần bạn biết tin tưởng và sống đúng với con người thật của chính mình, phép màu của số phận có thể sẽ đến với bạn trong tương lai. (ST sưu tầm)

Câu truyện sưu tầm ở trên lại dẫn người đọc nhớ về Lời Vàng khi xưa thánh hiền vẫn bảo:

*“Về điều đó, họ kinh ngạc
vì thấy anh em không cùng chạy ùa theo cuộc sống truy lạc
ồ ạt như giòng thác lũ...”
(1Phêrô 4: 4)*

Kinh ngạc hơn cả, là khi toàn thể thánh hội mình đã và đang trầm ngâm suy tư như sau:

“Trình thuật thánh Máttêu ghi nhiều về niềm tin vào Tinh Chúa, có thánh Phêrô dám bước khỏi thuyền mà đi bộ, trên sông nước. Nên chẳng, gọi đó sự việc kỳ diệu, hay phép lạ? Gọi gì thì gọi, cũng nên nói rõ ở đây, về những khác biệt giữa sự việc diệu kỳ và phép lạ. Bởi diệu kỳ, là những gì ta không cất nghĩa được, vào mọi lúc. Ta ở vào thế giới có quá nhiều điều kỳ diệu, nên chỉ cảm nghiệm chứ không giải thích được.

Nhà Đạo mình, gọi sự việc kỳ diệu Chúa làm là: “phép lạ”. Bởi, phép lạ cũng tạo hành xử tốt đẹp hơn chỉ cảm nhận những điều kỳ diệu ấy. Tốt đẹp, là nhờ niềm tin. Tin chắc, là Chúa hiện diện ở trong và ở trên mọi diệu kỳ. Và, ta quyết sống thực điều diệu kỳ bằng cung cách rất đặc biệt. Bởi, Chúa có làm điều huyền nhiệm diệu kỳ, cũng vì ta. Để, ta sống cảnh tình đặc biệt ấy, theo cung cách trực tiếp. Thế nên, phép lạ/kỳ diệu là sự việc mà dân con thành tín vẫn tin rằng: Chúa hoạt động vì ta, theo cung cách bất ngờ. Đặc biệt.

Phải chẳng ta vẫn tin điều kỳ diệu, vào mọi lúc? Nhất định thế. Ta tin rằng, ai từng cảm nghiệm và tin Chúa vẫn đang làm điều diệu kỳ, đẹp như thế. Nhưng, vấn đề là hỏi rằng: Chúa có làm điều diệu kỳ như thế, thường xuyên chẳng? Có thể là không, vì người người đều nghĩ Chúa chỉ thực hiện những điều hợp với thiên nhiên. Ngài để mọi sự trôi chảy, cách tự nhiên. Để con tìm Ngài, đập theo nhịp đập của thiên nhiên trần thế, rất diệu kỳ. Và, phép lạ/kỳ diệu không là cung cách duy nhất giúp ta cảm nghiệm sống có Đức Chúa.

Trình thuật Tin Mừng hay kể về những diệu kỳ, rất tự nhiên mà đồ đệ Chúa đạt được là tin có Chúa hiện diện, bên mình. Truyện kể về việc đồ đệ làm theo Lời Chúa như diễn tả trong mọi trình thuật là: Chúa thực hiện diệu kỳ cho người ngoài cuộc.

Điều này, không có gì để ngờ vực, cả về tính lịch sử, cũng thế. Trình thuật, kể nhiều về Chúa làm thật lạ lùng, là cốt cho dân con/người trong cuộc, nhận thấy rõ. Ngõ hầu, đồ đệ thấy đó mà tin vào Ngài. Truyện kể rất hay. Rất giá trị. Và, ta sẽ hiểu trình thuật diệu kỳ như thế nào? Có coi đó như sự thật rất lạ về Chúa, không?

Và hơn nữa, ta có hiểu trình thuật diệu kỳ theo nghĩa đen không? Hoặc, chỉ như sự kiện cụ thể về Ngài. Hoặc, phải hiểu trình thuật như một biểu tượng. Rất giả tưởng? Phải chăng, việc Chúa làm nhiều điều lạ, là có thật? Hay, đó chỉ là cung cách đem đến cho ta một luận cứ, sứ điệp? Hoặc, cả hai?

Nên, đó cũng là lúc các thánh lãnh nhận sứ điệp: “Anh em đừng sợ! Hãy can đảm mạnh dạn lên! Thầy đây vẫn phải giáp mặt với sự chết. Nhưng, Thầy sẽ sống. Bởi sau cái chết, vẫn còn đó cuộc sống miên trường. Nay đây, Thầy đã có mặt. Anh em cứ an tâm”. Và, các thánh rất an tâm lúc nào cũng có Thầy, ở cạnh bên.

Thật ra, trình thuật nào cũng nói lên thông điệp quan trọng, là: Chúa vẫn phải giáp mặt với sự chết. Nhưng, Ngài lớn lao hơn cả cái chết. Kịp đến khi các thánh nhận ra là Thầy đang ở cạnh bên, nơi mạn thuyền, thì rõ ràng, là: Thầy còn cao cả hơn cả lớp sóng vỗ, rất dữ dằn.

Thông điệp, là thông tri để người người biết rằng: quyền uy cao cả của Đức Chúa luôn lớn hơn sự chết. Và, những gì liên quan đến uy quyền của Ngài vẫn uy nghi, cao cả hơn cả thiên nhiên, vạn vật. Hơn sự chết. Ai tin Ngài, bằng niềm tin đích thực, thì chính Ngài là sự diệu kỳ ta ắt thấy.

Trình thuật Chúa làm ở nhiều nơi, nhìn theo nhãn quan này, sẽ ăn khớp với tình huống xảy đến sau ngày Chúa sống lại, cũng rất thật.

Có thể, tác giả xưa từng sử dụng nhiều chi tiết là để nói lên sự thể bảo rằng: Đức Chúa lớn lao hơn mọi anh hùng hảo hán, rất Hy Lạp. Hơn hẳn tổ phụ Môsê và ngang bằng với

Giavê Thiên Chúa. Tác giả Tin Mừng viết truyện kể lạ lùng, là để nói lên điều kỳ diệu Chúa vẫn làm. Phải chăng các tác giả Tin Mừng đều muốn nói: truyện kể về sự diệu kỳ Chúa làm, thật sự xảy ra. Phải chăng, chính thánh sử Tin Mừng muốn minh chứng việc Chúa làm chuyện diệu kỳ, là có thật?

Thật ra, khi ghi lại trình thuật, các tác giả Tin Mừng đều muốn đưa ra một biểu tượng để mọi người thấy là: con thuyền Hội thánh đóng vai trò Thủ Lãnh, rất hệ trọng. Chỉ các ngài, mới có trọng trách hướng dẫn mọi người. Đồ đệ thân thương của Chúa có thể giữ vai trò lãnh đạo, nhưng không thể cáng đàng con thuyền Hội thánh và cũng chẳng kham nổi mọi trọng trách nếu không có Chúa đỡ đần, chở che.

Vấn đề là: ai làm được việc quản cai Hội thánh, nếu Chúa không đỡ đần. Cả đến tông đồ cùng dân con đồ đệ lẫn đấng bậc đầy tớ Chúa ở trên cao, cũng chẳng thể tạo cho mình quyền uy cao cả, nếu không có Chúa phụ đỡ. Như thánh Máttêu ghi rõ ở nhiều trình thuật.

Minh định rõ nhất mà trình thuật Tin Mừng đưa ra, là: sự diệu kỳ thể hiện nơi đặc trưng của Chúa, để mọi người tin Ngài. Tất cả, đều tin vào sự diệu kỳ nơi bản thân Chúa trên cả sự sống lẫn cái chết. Và hệ quả, là: mọi hãi sợ nơi ta đã giảm bớt. Tác giả Tin Mừng, như thánh Máccô và Máttêu, cũng quan niệm như thế hết.

Tuy nhiên, đến nay, Hội thánh vẫn chưa có phán quyết rõ rệt về vấn đề này. Thêm vào đó, thánh sử ghi lại trình thuật là: rút tỉa truyện kể do thánh Máccô sáng chế; và thánh Máttêu còn thêm vào đó đôi điều, cho hợp nghĩa. Lại nữa, ở mọi trình thuật, ta đều thấy các thánh bao giờ cũng là người có tính hồn nhiên, bộc trực mà đến với Thầy, nhờ Thầy nâng đỡ, mới xong.

Thêm nữa, sự diệu kỳ ở các trình thuật Tin Mừng còn cho thấy: các thánh nhận ra sự thật là: Thầy luôn ở cạnh, để cứu độ. Thánh sử Máttêu ghi trình thuật để nói lên luận-cứ về quyền của Hội thánh. Các thánh không thể giải quyết mọi cơn phong ba bão tố của Hội thánh, mà không có sự phụ giúp của Đức Chúa.

Thành thử, ta có nghe và đọc các trình thuật theo chiều hướng nào đi nữa, cũng chớ nên biện luận, tranh cãi hoặc chia rẽ, nhưng hãy mạnh dạn đương đầu mọi trở ngại trong/ngoài Thánh Hội. Hãy vượt lên tất cả, mà cùng với Chúa, vì Chúa, như Chúa đã và đang làm. Và rồi, khuyên nhủ bạn bè người thân: “Chớ hãi sợ! Mọi sự đã có Chúa đỡ đần.” (Suy tư Tin Mừng rút từ mạng)

Quyết thế rồi, nay ta hãy hiện ngang đầu cao mắt sáng cát lên lời ca ở trên, rằng:

*“Em hỡi sương rơi,
ngoài song đêm hạ, ôi buồn phở xá
Hoang liêu về chết tha ma,
tiếng chân gõ guốc xa xa
Người xa vắng người, người xa vắng người...”
(Thơ: Cung Trầm Tưởng - Nhạc: Phạm Duy)*

“Người xa vắng người” ở đây, bây giờ, vẫn là sự lạ trên đời. Của nhiều người.

*Trần Ngọc Mười Hai và các ghi nhận
vẫn còn đó,
nổi buồn.*

THIÊN CHÚA YÊU TẤT CẢ, CÒN CHÚNG TA?

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

Tin mừng có một câu được nhiều người biết và cũng được yêu thích nhất trong Tân Ước; câu nói đó được coi là toát yếu toàn bộ Tin Mừng do Đức Giêsu đem đến đồng thời câu

ấy cũng bộc lộ bản chất đích thật của Thiên Chúa: Người chính là Tình Yêu. Tình Yêu của Người dành cho thế gian và mọi kẻ thuộc về nó. Tình yêu đó là *"Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời."* (Gioan 3: 16)

Tình yêu của Thiên Chúa đã trải dài qua muôn thế hệ. Tình yêu đó đã xuất hiện ngay khi Người tạo dựng. Mọi sự Người tạo dựng đều tốt đẹp và thiện hảo. Trong khi đó thế gian chưa bao giờ từng phục và tuân theo ý của Người. Quyền lực của thế gian luôn là thế lực chống đối Thiên Chúa, nhưng không vì thế mà thế gian có thể làm giảm uy lực Tình yêu của Thiên Chúa, trái lại Người càng yêu mến thế gian hơn.

Sự tích sa ngã trong sách Sáng thế ký không chỉ cho ta thấy sự thất bại của con người cho bằng đề cao lòng thành tín và yêu thương của Thiên Chúa, Đấng luôn đi bước trước để tìm kiếm con người cho dù vì tội mà con người luôn tìm cách trốn tránh Thiên Chúa. Còn hơn thế, và để chuẩn bị cho muôn thế hệ nhận ra Tình yêu của Người, Thiên Chúa đã chọn một dân tộc để diễn tả lòng thương yêu, sự quan tâm của Ngài dành cho đám dân được tuyển chọn đó.

Đúng vậy! Tình yêu của Thiên Chúa không phải là mớ giáo thuyết, cũng không lệ thuộc vào các trải nghiệm của con người. Nhưng, tất cả đều diễn tiến qua các biến cố lịch sử, trong đó con người có thể nhận ra bàn tay can thiệp của Thiên Chúa. Một cách cụ thể, trong bài đọc một mà chúng ta nghe hôm nay kể lại việc vua Kyrô phóng thích, cho phép dân Israel được hồi hương, trở về tái thiết xứ sở, xây dựng lại Đền thờ Giêrusalem đã bị sụp đổ. Qua hành động của Vua Ky-rô, xứ Ba-tư này, dân Do Thái và chúng ta nhận ra lòng yêu thương của Thiên Chúa được thể hiện trong việc Ngài đã can thiệp để cứu thoát dân riêng của Ngài.

Sau đó, trên đường về đất hứa, trong sa mạc, trước các thử thách, họ than van và chẳng còn nhớ đến ơn Ngài, lại còn đòi quay về Ai cập, cho dù ở đó, cuộc sống có khó khăn, thân phận bị ngược đãi như những kẻ nô lệ, nhưng lại có thịt để ăn; bây giờ được tự do, lại lâm vào cảnh chết đói ở sa mạc thì hơn gì.

Dân chúng mọi thời vẫn thế. Được voi đòi tiên. Đến với Thiên Chúa theo ước muốn của riêng mình. Đến khi gặp thử thách thì lại trách móc. Tuy nhiên, Thiên Chúa của chúng ta luôn trung tín, không bao giờ thất hứa. Ngài ban cho họ Man-na để khỏi bị chết đói, cho họ nước uống để khỏi chết khát.

Sau khi được no nê và không bị chết khát, họ lại nổi loạn đòi giết chết cả ông Maisen. Với thái độ bất trung và phản bội như thế, một hiện tượng đã xảy ra cho dân, đó là biển cổ rắn lửa bò ra cắn chết một số người trong họ. Trong nguy cơ đó, họ mới biết sợ và năn nỉ tổ phụ Mai-sen xin Chúa cứu họ. Chúa dạy ông Mai-sen làm một con rắn bằng đồng treo lên cao. Ai nhìn lên con rắn đồng mà sám hối thì sẽ được cứu khỏi chết.

Hôm nay, trong cuộc đối thoại với Nicôđêmô, Đức Giêsu đã nhắc lại sự tích con rắn đồng để ám chỉ đến việc Người sẽ bị giương cao trên Thập Giá để cứu độ con người, Đức Giêsu nói tiếp:

"Thiên Chúa sai Con của Ngài đến thế gian không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Ngài, được cứu độ".

Nghĩa là Thiên Chúa chỉ biết thương và muốn cứu, chứ không bao giờ muốn lên án hay trừng phạt ai cả. Chỉ có con người tự lên án và tự trừng phạt mình.

Thiên Chúa luôn yêu thương, kiên tâm chờ đợi việc quay về nẻo chính đường ngay của con người. Các câu chuyện trở về được kể lại trong Thánh Kinh cho chúng ta thấy rằng: Khi trở về, Thiên Chúa không hạch tội bất trung của con người. Trở về với giao ước để đầu phục Ngài là Thiên Chúa duy nhất và chúng ta là thần dân của Ngài là vui rồi. Về trong nhà của Thiên Chúa, con người sẽ tìm thấy tất cả những gì đã đánh mất trong thời gian đi hoang.

Sau cùng, chương trình cứu độ đã được hoàn tất bởi sự vâng phục và trao hiến của người Con, Đức Giêsu Kitô. Người đã bộc lộ cho thế gian nhận biết Tình yêu của Thiên Chúa dành cho thế gian đến dường nào. Nhưng, tất cả những gì mà Đức Giêsu đã làm, thì Người chỉ làm có một lần duy nhất, nhưng hiệu quả kéo dài đến mọi nơi mọi thời. Cho dù chúng ta không có mặt cùng thời với Đức Giêsu, nhưng không vì thế mà lợi ích của chúng ta nhận được lại thua kém những người cùng thời với Người.

Thật ra, các môn đệ và những ai sống cùng thời với Đức Giê-su cũng giống như chúng ta, phải chờ đến ánh sáng Phục Sinh, và nhất là dưới quyền năng tác động của Chúa Thánh Thần rồi họ mới nhận ra rằng nơi Người ơn cứu độ chứa chan cho những ai Tin vào Đức Giêsu. Đó là hồng ân của đức tin, một sự đáp trả không chỉ bằng lời nói, nhưng qua cách sống, một lối sống hoàn toàn phụ thuộc vào quyền năng của Đức Ki-tô, mà với lòng tin, chúng ta tôn vinh Người là Chúa. Còn những ai không tin, họ không bị kết án bởi Thiên Chúa, mà chính họ tự kết án chính mình, bởi vì họ ngoan cố, bướng bỉnh, chỉ muốn tự mình làm chủ và loại trừ Chúa ra khỏi cuộc sống của họ.

Còn đối với những ai tin thì cuộc sống của họ lệ thuộc vào Đấng mà họ tin thờ. Niềm tin của họ là một sự đáp trả không dựa vào ngôn từ mà còn bằng việc làm. Thật đúng như lời của

Thánh Giacôbê: “*Đức tin không việc làm là đức tin chết.*” Nghĩa là một đức tin đúng nghĩa phải được biểu lộ bằng hành động, qua lối sống của một con người đến để phục vụ.

Nói cho cùng thì Tin rồi Yêu và càng Yêu thì càng Tin. Đó chính là lối sống của người môn đệ. Chúng ta không bộc lộ, không diễn tả tình yêu của riêng mình. Nhưng, tin tưởng vào sự hiện diện của Chúa trong mọi tình huống, trong mọi giai đoạn, ngay cả những lúc yếu đuối nhất... để mà bước đi và quảng bá cho thế gian biết rằng Tình yêu của Chúa vẫn trường tồn trong lối sống của mình.

Thật vậy, trong thân phận của những người môn đệ, chúng ta hãnh diện và xác tín rằng: chỉ có tình yêu mới làm cho con người sống trong hy vọng về một tương lai tươi đẹp hơn những gì mà chúng ta, cùng với mọi thành phần trong Hội Thánh, đang phải đối diện. Bởi vì,

Tình yêu luôn mở ra các cơ hội cho con người đến và giao tiếp với nhau.

Tình yêu là cánh cửa mở ra cho con người bước vào.

Tình yêu là động lực giúp chúng ta cùng bước để loan báo, không chỉ bằng lời mà còn bằng cuộc sống chứng từ của mình rằng: “Không có tình yêu nào cao quý hơn mối tình của người thí mạng sống vì người mình yêu”.

Thật vậy, Đức Giêsu đã tuyên bố như thế và Người đã sống chính Lời Người nói ra bằng việc đi đến cùng con đường Người tự chọn để thể hiện Tình Yêu của Người. Cái chết trên thập giá diễn tả mối tình của một người đã yêu và yêu cho đến cùng... Chết cho Tình Yêu để rồi sống mãi cho Tình Yêu.

Ngày hôm nay, chúng ta hãy chuẩn bị tâm hồn cho thật vui để mừng đón mầu nhiệm Vượt Qua mà Đức Giêsu, Đấng đã dâng hiến chính mình, mở cửa Nước Trời cho chúng ta bước vào mà vui hưởng niềm vui được hòa giải với Thiên Chúa. Đó chính là điều mà Thánh Gio-an nói với chúng ta hôm nay rằng Thiên Chúa đã cho đi tất cả mà không hề do dự hay nuối tiếc, ngay kể người Con yêu dấu của Ngài. Còn niềm vui nào cao trọng và tuyệt vời hơn niềm vui của Thiên Chúa, Đấng vui sướng khi làm cho chúng ta được sống lại, khôi phục mối dây yêu thương của chúng ta với Ngài và với nhau.

Vì thế, với niềm tin vào sự hiện diện của Đức Kitô, cảm nhận được tình yêu nồng cháy của Thiên Chúa, Đấng đã trao ban cho chúng ta người Con duy nhất của Ngài. Chúng ta hãy tự hỏi mình đã làm gì cho Chúa và tha nhân? Người đang chờ đợi và mong muốn lối sống hy sinh, yêu thương và phục vụ hết mình của Người được tiếp tục qua cuộc sống của mỗi tín hữu, trong đó có bạn và tôi, tất cả mọi người không loại trừ một ai. Cầu xin cho nhau thực hiện được điều mong ước của Chúa.

Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT

NHỚ NGÀY HIỀN MẪU

Hoài Phong

Trời còn sớm lắm trên cao nguyên Lâm đồng, từng từng lớp lớp sương mù còn đang bao trùm cảnh vật miền quê. Không biết có gì sáng nay mà nhà thờ giáo xứ Thánh Mẫu thuộc địa phận Bảo lộc, đèn đuốc sáng rực cả một góc trời, kích thích óc tò mò của tôi là phải tới xem coi có sự kiện gì. Khi tới nơi, nhìn vào bên trong nhà thờ, tôi thấy giáo dân đã ngồi chật bên trong, tất cả các hàng ghế không còn chỗ trống nào. Tuy nhiên, không biết bằng cách nào, tôi cũng vào được bên trong và tìm được một chỗ đứng cuối nhà thờ.

Bây giờ thì tôi mới biết là bữa nay, cha chánh xứ đang làm lễ tiễn đưa một người quá cố, vì tôi thấy có một quan tài cuối nhà thờ. Nhìn lên cung thánh, tôi vô cùng bàng hoàng khi thấy Thày tôi đang đứng tại đó (ở quê tôi thuộc địa phận Phát Diệm thường gọi cha mẹ là Thày Mẹ. Thày tôi đã qua đời vào năm 1949, lúc đó tôi mới lên sáu mà ở nhà quê trong thời gian này trẻ con còn khờ khạo lắm, chẳng thấy ranh giới sống chết thế nào, thày mình chết mà mình cứ tưởng thày đang ngủ một giấc dài, thế mà sáng nay thày tôi lại bỗng dưng xuất hiện nơi đây, gương mặt thày tôi trông thật hiền hòa, lại ăn mặc thật chỉnh tề áo dài khăn đóng.

Trong lúc tôi đang say mê ngắm nhìn thày tôi, người mà cách đây 36 năm rồi, kể từ khi thày tôi qua đời, tôi chưa từng bao giờ thấy trong giấc mơ, rồi nhìn về phía cuối nhà thờ, tôi vô cùng sửng sốt khi người trong quan tài từ từ chỗi dậy mà lạ Chúa tôi, hình dáng người này giống mẹ tôi quá, mà càng nhìn kỹ thì ra đúng là mẹ tôi rồi. Tim tôi bắt đầu đập thình thịch, mắt bám sát Mẹ tôi đang chậm rãi từ trong quan tài bước ra, từng bước tiến lên cung thánh và khi đến gần thì Thày tôi đưa hai tay ra để đón Mẹ tôi.

Lạy Chúa, có thật như vậy sao, và vô cùng rung động lẫn kinh hoàng, tôi đã ráng hết sức mình kêu to lên hai tiếng Mẹ, Mẹ. Tôi giật mình ngồi lên, ngó trước ngó lui chung quanh, thì thấy mình đang nằm trong phòng ngủ tại một căn nhà ở Rosebery mà vợ chồng tôi đang thuê lúc đó, thì ra tôi vừa trải qua một giấc mơ, đúng là một giấc mơ, mà sao giấc mơ quá bài bản, quá sống động, quá hiện thực, mà cho đến ngày hôm nay, đã 72 năm trôi qua, kể từ ngày thầy tôi tạ thế, tôi vẫn còn nhớ như in giấc mơ này.

Là con út trong gia đình, rất được mẹ tôi nuông chiều, nên có thể vì vậy mà mẹ tôi đã báo mộng cho tôi khi lià cõi thế, rồi sau đó, tôi mới nhận thơ của anh chị tôi, báo tin là mẹ tôi đã qua đời, thơ từ qua lại trong thời gian này phải mất cả tháng trời, và sau đó thì tôi chẳng còn trải nghiệm một giấc mơ nào tương tự.

Trên đời, có những cái mà với thời gian, mình quên bằng nó đi, hoàn toàn nó rơi vào quên lãng, nhưng vì một biến cố nào đó, tự nhiên mình lại nhớ ra, cũng vì giấc mơ này, tôi chợt nhớ ra là khi xưa, mẹ tôi có kể cho tôi nghe là trong một lần đi buôn, có một bà thầy bói cứ nài nỉ xem chỉ tay mẹ tôi. Vì mẹ tôi rất ngoan đạo nên hết mực từ chối, nhưng vì bà thầy bói nài nỉ quá mà cuối cùng thì mẹ tôi xiêu lòng, và khi xem bàn tay mẹ tôi, bà thầy bói đã nói rằng khi mẹ tôi qua đời, không biết tại sao chỉ có 2 người con trai có mặt để chịu tang, còn một người con trai nữa ở xa không có mặt. Lúc còn trong trại học tập cải tạo vào những năm 1976 - 1977, tôi có nhớ lại câu chuyện này và cứ nghĩ mình sẽ chết trong tù mà không được gặp mặt mẹ, nhưng rồi tôi cũng được ra tù và sau đó quên bằng đi. Nay với giấc mơ gặp lại thầy mẹ tôi, nhớ lại câu chuyện bà thầy bói, tôi thật khâm phục bà thầy bói này nói quá hay, quá đúng.

Mẹ tôi là một con chiên đạo đức, lúc nào có dịp là kể cho tôi nghe chuyện các thánh, mà tôi còn nhớ chuyện thánh alêxù đại đế như sau: Alêxù có tên chính thức là Alessio di Roma sinh vào khoảng cuối thế kỷ thứ 4 trong một gia đình khá giả ở Roma. Khi trưởng thành, cha mẹ đã cưới cho ông một tiểu thư xinh đẹp giòng dõi quý tộc, nhưng ngay trong đêm tân hôn, Alêxù đã trốn khỏi nhà và tới thành Edessa thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, sống khổ tu tại đây 17 năm. Ông trở về Roma và sống hành khát rồi nhờ vào lòng bác ái của cha mẹ Ông, đã cho ông sống dưới gầm cầu thang nhà mình. Hằng ngày chạm mặt thế mà cả cha mẹ và người vợ của ông cũng không nhận ra ông vì nay ông đã quá tiêu tụy. Khi qua đời ông đã để lại lá thư và lúc cha mẹ và vợ ông mở thư ra xem thì mới tá hỏa nhận ra con trai mình, chồng mình.

Mẹ tôi còn kể rằng trong gia đình nhà ta, tôi có chị tên là Chín nhưng tôi không hề biết gì về bà chị này, vì lúc đó chắc là tôi chưa chào đời. Mẹ tôi kể rằng chị Chín rất ngoan đạo, sống đời đạo đức chăm lo đi lễ mỗi ngày, khi nào phải làm việc gì mà sắp đến giờ đi lễ thì chị tôi cứ vội vội vàng vàng làm công việc cho xong để còn kịp đi lễ. Khi chị tôi chết lúc còn nhỏ tuổi, Chúa đã ban phần thưởng vô cùng cao quý là bà con hàng xóm láng giềng đến nhà tôi chia buồn lúc đó đều sững sờ hỏi rằng không biết từ đâu mà có hương thơm ngào ngạt tỏa đầy căn phòng.

Ngoài việc kể chuyện hạnh các Thánh vào mỗi tối cho chị em chúng tôi nghe, mẹ tôi còn dạy tôi cách cầu nguyện sau khi rước lễ. Lúc đó, tôi có hỏi mẹ tôi là sau rước lễ thì cầu nguyện làm sao, thì mẹ tôi đã dạy tôi đọc những lời như sau: "Lạy Chúa, con xin cảm ơn Chúa hết lòng hết sức vì Chúa đã dựng lên con mà còn ngự vào lòng con, thì con không biết lấy lời gì mà cảm ơn Chúa được, thì con xin mượn các thánh ở thiên đàng cảm ơn thay cho con."

Cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ như in những lời nguyện này. Mẹ tôi lià cõi thế đến nay đã 36 năm, nhưng vào ngày giỗ mẹ tôi mỗi năm, tôi lại nhớ đến giấc mơ nói trên mà theo tôi, đó là một điềm lạ, vì nếu chỉ là một giấc mơ như trăm ngàn giấc mơ khác, thì chắc nó đã rơi vào quên lãng rồi. Sung sướng thay những ai còn Mẹ, nhưng có thể những người đó lại không nhận ra, mà khi mất Mẹ, lúc đó mới thấy nuối tiếc, nhưng hỡi ôi, của quý giá nhất đời đã mất rồi, sao tìm lại được.

Hỡi những ai may mắn còn Mẹ, tôi xin có đôi lời nhắn nhủ sau: Mẹ nuôi nấng, chăm sóc, dành cả đời yêu thương các con vô bờ bến, nên việc trân trọng kính mến, yêu quý mẹ không chỉ thể hiện ở trong một ngày mà phải là thể hiện hằng ngày, và chắc chắn những người mẹ chỉ cần những tình cảm chân thành, hiếu thảo của ta, chứ không cần những món quà đắt giá nhưng vô hồn.

Sau cùng, tôi xin mượn một vài giòng thơ của tác giả có tên là Rimba để kết thúc bài viết này.

Tôi muốn dệt những vần thơ về Mẹ
Để đọc lên cho nước mắt trào rơi
Vì có gì đẹp để nhất trên đời
Thiên lương nhất phải chăng là tình Mẹ
Và khi Mẹ đã khuất bóng:
Nay dâng Mẹ mấy vần thơ sầu muộn
Mẹ đi rồi kỷ niệm vẫn trong con
Trên Thiên đàng con biết chắc Mẹ còn
theo sát bước chân con nơi trần thế

Hoài Phong

“Đằm Mình Trong Vững Tội” (Tiếp theo) Gm John Shelby Spong

Lời Bạt

Tháng Giêng năm 1985, khi trả lời câu hỏi của một số linh mục ở Địa phận Newark, tôi có triệu tập một buổi họp nội bộ để nghiên-cứu về các mô-hình khác nhau đang làm thay đổi cuộc sống gia-đình và tình dục, ở con người. Cùng lúc ấy, tôi cũng lập một biểu-đồ giúp Giáo-hội tạo cung-cách đáp-ứng mô-hình ấy, cho phải phép.

Một lần nọ, có giáo sĩ đến chia-sẻ với tôi về sự kiện nảy-sinh từ công-cuộc thừa-sai do tôi thực-hiện lại đã khác với lập-trường chính-quy của Giáo-hội. Bởi, giáo-hội ta vẫn khẳng-định rằng: sinh-hoạt tình dục về thể-xác, không xứng với Đạo lại chẳng có đức-hạnh gì hết, trừ phi đó là sinh-hoạt vợ chồng có cưới hỏi đề huề.

Phần đông, nếu không muốn nói là hầu hết, các cặp phối-ngẫu đến với giáo sĩ chúng tôi để nhận phép lành Hội-thánh phú-ban cho đời sống hôn-nhân, nhưng trên thực-tế họ đã vui thú, hành-lạc cho thỏa lòng rồi. Nhiều trường-hợp, họ còn đích-thực đã ăn ở với nhau suốt nhiều năm nữa là đằng khác.

Các vị cao niên, chí ít là những vị từng ly-thân hoặc ở giá, lại vẫn gia-tăng quan-hệ đặc-thù với người khác phái, chung chạ chung gối đầu đạn mà chẳng lý gì chuyện hôn-nhân, cưới hỏi cho tử tế.

Có trường-hợp, các vị không thuộc thành-phần sống bên lề Giáo hội, vẫn hăng-say phục vụ Hội thánh qua sinh-hoạt năng nổ ở văn-phòng hoặc các trụ sở cấp cao ở ngoài đời. Nhiều vị, lại công-khai sống chung-chạ cả với vị mục-tử của mình nữa.

Riêng một số vị, dù đã chấp-nhận cuộc sống tách-bạch/rạch rời nhưng vẫn không thấy là họ có mâu-thuẫn giữa giáo-huấn của Hội-thánh với cuộc sống thực-tế ở ngoài đời. Bởi thế nên, họ mới cảm kích chất-lượng sống sâu sắc do mình thực-hiện hơn là tuân theo lời dạy của Giáo hội.

Thêm vào đó, nhiều mục-tử ở các nơi, lại đã tỏ ra bén nhạy và rộng mở với thực-tại cuộc sống của nhóm đồng tính luyến ái (*) tuy ít ỏi, nhưng vẫn xác-chứng đón-nhận người đồng tính hoặc các cặp phối-ngẫu có vấn-đề, hầu đưa họ về sống chung với Giáo-hội. Làm như thế, họ không cần đến lập-trường chính-thức của Giáo-hội, bởi họ tâm-niệm rằng: đời sống độc-thân là chọn-lựa lối sống đạo nhất thời đề ra cho người đồng tính, nam cũng như nữ.

Thực tế cuộc đời vẫn cho thấy: thói quen bao giờ cũng đi trước các học thuyết lý luận. Bởi thế nên, hàng giáo sĩ nói đây, đã đề-nghị là: với tư-cách của Giáo-hội nói chung, ta cũng nên công-khai nhìn vào luật-pháp, các lý-thuyết hoặc chuẩn-mục khác nhau, xem đó có là sự việc khiến ta có quyết-định này khác không? Cũng nên hỏi, tại sao khía cạnh tinh-tế mục-vụ lại cứ thôi-thúc ta bỏ qua một bên các định-nghĩa xác-đáng về tài sản và đạo-đức của Giáo hội?

Buổi họp thường niên thứ 111 của địa-phận *Newark* tổ-chức tại thành-phố đẹp tuyệt nhưng hơi phiến-toái, đã ứng-đáp lời tôi yêu-cầu bổ nhiệm một Đội đặc-nhiệm chuyên nghiên-cứu vấn-đề này và ra chỉ thị cho Đội này phải tường-trình thành-quả lên công-nghị thứ 112 tổ-chức vào năm 1986. Quyết-định nói trên, được các nghị-viên đồng loạt thông qua. Và công-nghị, bèn chuyển qua bàn-luận các vấn-đề thông thường về lương/tiền cũng như ngân-sách dành cho giáo-sĩ.

Thoạt vào lúc cộng-nghị nói trên bị đình-chỉ, có linh-mục nọ bước lên diễn-đàn báo cho tôi biết: ông muốn làm thành-viên tổ công-tác này, người đó là tiến sĩ *Nelson Thayer*, Giáo sư thần-học trởi trang tại Đại Chủng viện *Drew* ở *Madison*, bang *New Jersey*. Đại Chủng viện *Drew*, là một trong các cơ-cấu của phái *Méthodist* cũng mang tính đại-kết đủ để bổ-nhiệm một linh-mục tầm-cỡ là thần-học-gia *Thayer*, kể lại ở đây.

() Là người viết cũng như mục-tử, tôi phải công-nhận là một số thành-viên trong nhóm Đồng tính đã phản-đối việc sử-dụng tự-vựng "Đồng tính" như khi xưa ta gọi người da màu là "Bọn mọi đen" vậy. Ngôn-ngữ ta dùng ở đây, luôn ở vào trạng-huống chuyển động, có gạn lọc. Lâu nay, tôi vẫn hạn-chế sử-dụng từ này và tìm cách thay thế bằng câu nói nào khả dĩ chấp-nhận được. Nhưng, tự-vựng đây vẫn được mọi người trong Đạo/ngoài đời dùng rộng rãi mà không mấy may xúc phạm hoặc làm giảm giá chút nào hết. Đó, là tự-vựng được mọi người trong ngành y-khoa và là lối nói của dân thường. Thành ra nếu tôi có dùng tự-vựng này theo kiểu dân-gian thì quý vị biết cho là tôi không có ý gì hết.*

Ts Thayer có báo cho tôi biết, là: ông dự-tính lập một chương-trình nghiên-cứu trong thực-tại coi đó như công-việc chuyên-môn và ông cũng chấp-nhận qui-tắc làm thành-viên cho tổ đặc-nhiệm này hầu khuyến-khích công-trình nghiên-cứu này.

Đề-nghị trên, lúc đó được coi như một thứ nhập-cảng nhỏ khiến tôi chẳng đưa ra tư-tưởng nào tương-tự cho nhóm mà khi đó tôi đã được phép bổ-nhiệm bất kỳ ai. Ngay đây, trước mặt tôi là người mà tôi từng ngưỡng-mộ không ít. Ông là người được các bậc tiền-bồi trong hàng giáo-sĩ cũng như giáo-dân nể-trọng; nói cách khác, ông là đáng bậc có tài xuyên-suốt về khoa-bảng cũng như đối-thoại tương-xứng với công-tác này; nên, ông đã yêu cầu tôi cho phép ông được làm thành-viên tổ công-tác nói ở đây.

Tôi nghe nói *Ts Thayer* là một người nhạy bén chuyên về mục-vụ. Nhưng, tôi lại chẳng có ý kiến hoặc nhận-thức nào về các vấn-đề mà cho tới nay tôi vẫn để tâm theo dõi. Vào giây phút chợt nảy ra trong tôi một trực-giác sống là được ném-nấp sự vui sướng cao độ, tôi bèn nói: "*Thưa Ngài Nelson, sao ông không đứng đầu tổ công-tác này vậy?*" Bỗng với đôi chút kinh-ngạc về câu hỏi do tôi bất chợt đưa ra, ông vẫn vui lòng nhận trách-nhiệm ngay tại chỗ. Và lúc ấy, tôi bèn tự nhủ: đây tuy là chuyện tình cờ, nhưng là cơ-duyen và dịp thuận do Chúa ban tặng.

Sau đó vài tuần, *Ts Nelson Thayer* và tôi cùng ngồi lại với nhau để suy-tư, hoạch-định về tư-cách thành-viên của tổ công-tác này. Chúng tôi đồng ý gầy dựng nên nhóm công-tác gồm 16 người để viết giấy mời. Nhóm này, gồm các giáo-sĩ và giáo dân nam/nữ, da trắng cũng như da màu, là người có gia đình hoặc đã ly-thân/ly-dị, các đảng bậc chưa bao giờ lập gia-đình hoặc còn độc thân, các chuyên-gia nữ và những vị có gia-đình đồng thời là người cởi mở vẫn thừa-nhận rằng: người đồng tính có thể sống với nhau dài lâu, trong tương-quan mật-thiết, có quyết tâm.

Ba trong số các thành viên nói ở đây, từng là cố vấn chuyên-môn trong nhiều lãnh-vực khác nhau trong đó có vị thuộc giới khoa bảng *Rhodes Scholar*. Và, trong số các vị được mời làm thành-viên, có đến 13 vị nhận lời và sau đó, nhóm hội này đã công-khai thành-lập. Vào buổi gặp đầu, tôi có bàn với các vị nên tạo một thế-đứng minh-nhiên và cho các vị biết tại sao các ngài được chọn để rồi tất cả sẽ chung lưng làm việc trong hòa đồng. Sau đó, tôi có trao toàn bộ các cộng-tác-viên này cho *Ts Nelson Thayer* lo liệu và cứ thế mà xuất thủ.

Nay thì, nhóm công-tác nói ở đây đã có thể tự lực và có quyền chọn bất cứ hướng đi nào mình muốn do công-cuộc nghiên-cứu đề xuất với các ngài; và có thể định ra bất cứ kết-cuộc nào tùy ý muốn và đặt để bất cứ hệ-luận nào mà các ngài dự-định. Duy chỉ một điều là, các ngài phải tường-trình về cho công-nghị của Giáo-phận các khám-phá hoặc thành-quả mà các ngài đạt được vào tháng Giêng năm 1986.

Ngày tháng ấn-định cũng đã gần kề mà chưa thấy tường-trình nào được gửi đến, tôi bèn tự hỏi không biết có phải là mình lại tạo ban/ngành chất chồng thêm cho Giáo hội, dù sự việc mang nhiều hứng-khởi nhưng chẳng đem lại kết quả nào khả quan hết. Kịp đến năm 1986, lúc ấy *Ts Thayer* có tường-trình về cho biết là tổ đặc-nhiệm đã không thể hoàn-thành công-tác theo hạn định nên ông yêu cầu được triển-hạn thêm một năm nữa với lời hứa sẽ cung-cấp toàn-bộ bản tường-trình của công-ngệ trước năm 1987 để các vị đại-biểu có đủ thì giờ mà điều-nghiên chấp-thuận hoặc bác bỏ bản văn ấy khi công-ngệ được triệu-tập. Yêu cầu này được mọi người đồng lòng bằng việc đồng loạt bỏ phiếu chấp-thuận và tổ đặc-nhiệm được triển-hạn thêm một năm nữa, để hoàn tất.

Tiếp theo sau công-ngệ tổ chức vào năm 1986, tôi lại đi gặp tổ đặc-nhiệm thêm lần nữa để nhắc nhở họ về trọng-trách đã trao ban và khuyến khích họ tuân-thủ trách-nhiệm của họ. Đó là lần thứ hai và thêm một lần nữa, tôi buộc phải tham gia hợp-tác với ủy-ban.

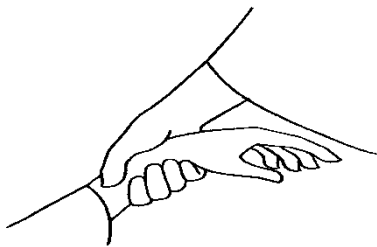
Mùa thu năm 1985, tôi được Hội đồng Giám mục đương-nhiệm của Hội thánh *Épiscôpan* trong đó có ngài *Edmond Browning* chỉ-định làm thành-viên Ủy Ban Phụ trách các Vấn-đề Nhân bản và Y-tế cho Giáo hội *Épiscôpan*. Là thành viên Ủy ban, nghĩa là tôi có trách-nhiệm nghiên-cứu các vấn-đề cốt-yếu nhưng hay thay đổi và dễ gây tranh-luận theo chiều hướng cảm-xúc trong Giáo hội về các đề tài như: phá thai, đồng tính, phân-biệt chủng tộc, biến đổi mầm gien và nhiều chuyện khác. Trách-nhiệm đặc-thù của tôi, là lo về vấn-đề có liên quan đến tính dục nhân bản. Tôi nhận công-tác từ ghế chủ tịch ủy ban của ngài *George Hunt*, Giám mục quản-nhiệm vùng *Rhode Island* đã bắt đầu đọc lớn tiếng để mọi người nghe thấy cho rộng đường dư-luận.

Chúng tôi nhất quyết sẽ bắt đầu dấy lên trong Hội-thánh *Épiscôpan* một cuộc tranh-luận có hiểu biết về ảnh-hưởng tương-xứng của nhận-thức mới về dục-tình lâu nay được dẫn nhập hằng ngày từ ngành tâm-lý-học, sinh-học, khoa mầm gien, ngành sinh-hóa phân-tử, vật-lý sinh-học, về truyền-thống và việc Giáo hội cũng như người của Hội thánh xác-tín chuyện thời đại.

Có sự hợp-lực từ giới báo chí của Giáo-hội *Épiscôpan* trên toàn-quốc, chúng tôi đồng ý tiến hành cuộc tranh-luận trên báo *The Episcopalian* qua các bài viết ủng hộ hoặc chống-đối được các cây viết tâm cỡ mà chúng tôi tìm gặp được. Họ là những người viết rất sáng, lại mang tính chính-trực nữa, nên có thể hỗ trợ cho lập trường đề ra.

Khi ấy, tôi được yêu cầu viết bài dẫn-nhập cho các loạt bài tương-tự. Bài dẫn-nhập ban đầu không có chữ ký, nhưng sau ba lần toan tính đưa ra một nhập-đề rộng đủ để thỏa-mãn lập-trường cực rộng về ủy-ban cho thấy không mấy tác-dụng, cuối cùng thì tôi cũng đồng ý ký vào các bài mình viết, cốt làm sáng-tỏ lập-trường của một thành-viên trong ủy-ban đến độ không ai thấy mình phải nhân-nhượng điều gì do việc định danh/ định hình với lập-trường mà họ không đồng-thuận. Tôi lại khám phá ra rằng: một số thành-viên ủy-ban gọi đó là phương-án “ba phải”, là cố ý bảo rằng không có thay-đổi nào là đúng luật, và vì thế không cần phải đề-cập đến vấn-đề ấy.

May thay, bài viết có chữ ký của tôi được xuất-bản đã gây kinh-ngạc không ít ở một vài giới trong đó nhiều vị tỏ ra bực bõ về sự kiện là tôi với tư-cách là Kitô-hữu như mọi người nhưng lại có lập-trường khác với họ.



Giọng cũ xa gần

Dân Gày phụ trách _____

ĐIỀU CHƯA HIỂU.

(Trích điện thư từ thầy Thái Công Tụng và anh Nguyễn Võ Dzaì)

"Hắn, một người đàn ông thành đạt. Năm ngoái, về thăm nhà, thấy Bố một mình thui thủi, cô đơn trong căn nhà trống vắng, vì Mẹ hắn đã khuất núi đã lâu, Hắn quyết định đưa Ông cụ lên thành phố ở với vợ chồng mình cho trọn đạo người con có hiếu.

Cứ tưởng rằng cụ sẽ vui, vì nhà hắn là một ngôi biệt thự rộng rãi, sang trọng, lại có khu vườn sầm uất bao quanh, đủ loại hoa trái. Vậy mà không phải thế!

Giáp Tết năm nay, Bố lại ...năm nĩ hắn để được trở về quê! Hắn hoàn toàn KHÔNG HIẾU tại làm sao nữa?! Nên cố dọ hỏi :

-Hay là vợ con đối xử tệ bạc với cụ chăng!!

-Không, con dâu rất tốt, ngày nào cũng sai người làm lo ba bữa ăn thịnh soạn mà.

- Thế... Sao bố lại đòi về quê?

- À, tại ở đây buồn, không biết nói chuyện với ai ...và vì BA ĐÔI DÉP con ạ !

- ???!!!!!!! À, Con chưa hiểu lý do thứ hai ...

- Ừ, con bây chừ là người thành phố, làm sao hiểu được...

- Thì Bố nói cho con hiểu được không ạ?

- Thế thì... Bố nói nhé : cả một năm nay, Bố cố để mà quen cái chuyện ở phòng WC mang dép Lào, phòng khách thì phải đi dép da, ra ngoài vườn thay dép tổ ong...!!! theo "gia quy" của con!

Mỗi lần quên, là có Vợ con cầm đôi dép phù hợp đưa và nhắc nhở : Bố ơi đổi dép!

- ?!?!!!!!!!!

- Bố thật ngại ngùng! Nên suốt ngày tự nhắc: vườn - ong, Khách- da, Tắm - ào, lúc nào cũng nghĩ, lẩm bẫm : "ong, da, ào- ào da ong!" Nhưng không thể nào quen được!

Ngủ ,bố cũng mơ thấy mình lộn dép và vợ con đang nhìn bố với " đôi mắt hình viên đạn" với... đôi dép cần thay thế trên tay...bố sợ quá! Hưm hưm...

Thôi cho Bố về quê, dù buồn, khổ nhưng tự do con ạ... Ở nơi ấy, bố chỉ đi một đôi dép, dù trong nhà hay ngoài vườn... Khởi suốt ngày bận tâm, rồi chẳng muốn đi lại luôn ! Hưm... Lào, da, ong...lẩm bẫm riết rồi khùng luôn! Hi hi hic hic

Ông cụ pha trò, cười nhưng như mếu! Trông thật đáng thương.

-???!!!!!!!

À, hắn nhận ra mình có học, thành đạt, nhưng vẫn chưa hiểu một điều đơn giản là Người già cần sự yêu thương, gần gũi, cảm thông hơn là nhà cao cửa rộng, cao lương mỹ vị gì cả! Hắn, cứ tưởng mình có hiếu, nhưng thật sự là một kẻ vô tâm! Và đã hối hận vô cùng, vội quì xuống trước mặt người đã sinh thành dưỡng dục mình nói :

-Xin Bố tha lỗi cho thằng con vô tâm này nhé; Từ nay, bố chẳng cần phải thay đổi dép gì cả! Nếu thích, bố cứ đi chân trần ngay trong phòng ngủ! Con chỉ cần bố gần gũi con, chẳng cần qui định gì sát! Hi hi, Bố ở lại với con nhé.

Rồi hắn nhào đến siết chặt đôi vai đang rung lên vì xúc động của người Bố. Hắn dụi mặt vào ngực người đã thương yêu mình cả một đời để bốn dòng lệ hạnh phúc, trộn lẫn làm một! Hắn chợt nhớ một câu nói thật hay: hạnh phúc tại tâm!

Ngoài kia, tiếng chim lạnh lớt hót vang lưng bên những khóm mai vàng rực rỡ báo hiệu xuân về giữa đất trời bao la và trong lòng của hai người...

Hình như hắn còn thấy nụ cười hạnh phúc của người thứ ba, ở nơi thật xa. ...nơi mịt mờ nhân ảnh của cõi vĩnh hằng, đó là nụ cười của mẹ!

Xin cảm ơn đời, cảm ơn Mẹ Cha, đã cho một cuộc đời hôm may và đã đánh thức hắn, hiểu được một điều đơn giản: "Con người cần nhất là sự cảm thông"... Nhưng chưa hẳn ai cũng hiểu được!?

Xin đa tạ và chào mừng mùa xuân.

Thư Chi Hội Trưởng & Chi Hội Phó GD AnPhong Úc kêu gọi hỗ trợ Dòng thánh

“Đã lâu lắm rồi, vào ngày 17/09/2020, GDAP đã nhận được một thư ngỏ kêu gọi sự đóng góp xây dựng thư viện cho Học viện.

“Vào thời điểm này, dịch bệnh covid 19 đang gieo rắc hoang mang tột độ, anh em CDT cũng bị giao động mạnh, vì dịch bệnh này nhắm vào những thành phần gia yếu, sức đề kháng yếu, mà thanh viên GDAP Sydney đa số đều cao tuổi, nên càng hoang mang hơn.

“Mới đây, Học viện lại có thêm phương án thiết lập chương trình phần mềm Để dễ dàng quản lý hồ sơ các thầy tu si DCCT, và kêu gọi sự giúp đỡ. Trước hoàn cảnh này, chúng tôi đã mạnh dạn đứng ra kêu gọi, trong phạm vi nhỏ hẹp, những anh em đã từng ăn cơm nhà Đức Chúa Trời, đã từng sinh sống dưới mái nhà DTV thân yêu, tham gia giúp tiền Học viện DCCT.

“Cũng giống như hồi xưa khi còn ở Đệ tử viện, các cha DCCT Canada đã kêu gọi các ân nhân người Canada nâng đỡ các Đệ tử, thì nay anh em chúng tôi cũng góp một bàn tay xây dựng Học viện DCCT được vững mạnh hơn.

“Trong một thời gian ngắn vào tuần lễ đầu tháng ba, năm 2021, chúng tôi đã gửi thư tới anh em CDT để xin giúp tiền và kết quả vô cùng khả quan, số tiền đóng góp đã lên tới AUS \$5,200.00. Tất cả số tiền này đã được gửi về Học viện DCCT/VN. Sau đây là danh sách những anh em tham gia đáp ứng lời kêu gọi:

1/ Nguyễn Duy Vũ:	\$2,650
2/ Nguyễn Minh Vọng	\$500
3/ Trần Ngọc Tá	\$250
4/ Nguyễn Đắc Dzũng	\$200
5/ Vũ Nhuận	\$200
6/ Nguyễn an Bình	\$200
7/ Lê duy Phước	\$200
8/ Phạm văn Chương	\$200
9/ Nguyễn văn Dũng	\$200
10/ Nguyễn kim Linh	\$200
11/ Nguyễn duy Lâm	\$200
12/ Nguyễn công Thành	\$200 -----\$5,200.00

“Sự đóng góp của anh em, dù lớn hay nhỏ, cũng đều biểu hiện tấm lòng của anh em dành cho Học viện. Chúng tôi không biết dùng lời lẽ gì để có thể nói lên sự cảm tạ quý anh em đã thật rộng lượng giúp đỡ Học viện. Kèm thư này là xác nhận của cha Phaolô Nguyễn văn Công, Phó giám đốc Học viện Thánh Anphongsô DCCT/VN là cha đã nhận đầy đủ số tiền và cảm ơn tất cả anh em chúng ta.

Nguyễn đắc Dzũng CHT
Phạm văn Chương CHP
Vũ Nhuận Ngoại vụ

Thư Chi Hội Trưởng báo cáo kết quả thu góp:

Mến gửi quý bạn Cựu Đệ Tử DCCT/VN,

Việc kêu gọi giúp tiền Học viện DCCT/VN đã đạt thành quả vô cùng khích lệ.

Cho tới thời điểm này, anh em chúng ta sẽ thu được \$2,350 dollar Úc để giúp đỡ Học viện.

Danh sách quý anh em tham gia cho đến nay như sau:

1/ Nguyễn Minh Vọng	\$500.	đã nhận tiền
2/ Trần Ngọc Tá	250	đã nhận tiền
3/ Nguyễn Kim Linh	200	đã nhận tiền

4/ Nguyễn Duy Lâm	200	đã nhận tiền
5/ Phạm Văn Chương	200	đã nhận tiền
6/ Lê Duy Phước	200	đã nhận tiền
7/ Nguyễn Văn Dũng	200.	đã nhận tiền
8/ Vũ Nhuận	200	đã nhận tiền
9/ Nguyễn Đắc Dzũng	200	đã nhận tiền
10/ Nguyễn Công Thành	200	đã nhận tiền
11/ Nguyễn An Bình	200	đã nhận tiền

Ngoài ra còn thêm Số tiền \$200 do chị Dung (phu nhân anh Hùng Dân Chúa ở Lakemba) và \$50 do Chị Đàm Thị Uyển gửi tặng nữa. Khi nào nhận tiền đầy đủ, chúng tôi sẽ gửi về ngay Học viện DCCT. Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của quý anh em.

Mến,
Nguyễn Đắc Dzũng CHT
Phạm Văn Chương CHP

Ghi chú: có sự sơ sót: số tiền sẽ thu được phải là: \$2,550.00 vì phải cộng thêm \$200 của Ac Nguyễn An Bình nữa. Và, dưới đây là thư cảm ơn của Đại diện Học viện DCCT VN.



HỌC VIỆN THÁNH ANPHONGSÔ
TỈNH DÒNG CHÚA CỨU THỂ VIỆT NAM

THƯ CẢM ƠN

Kính gửi: Quý Bác thuộc GIA ĐÌNH AN PHONG SYDNEY.

Qua Bác Phạm Văn Chương và Bác Vũ Nhuận, 10/03/2021, chúng con đã nhận được 5.200 AUD do quý Bác thuộc Gia đình An Phong Sydney gửi để "yểm trợ phát triển Thư viện và phát triển phần mềm trong việc quản trị."

Cụ thể như sau:

Bác Nguyễn Duy Vũ	2,650 AUD	Bác Lê Duy Phước	200 AUD
Bác Nguyễn Minh Vọng	500 AUD	Bác Phạm Văn Chương	200 AUD
Bác Trần Ngọc Tá	250 AUD	Bác Nguyễn Văn Dũng	200 AUD
Bác Nguyễn Đắc Dzũng	200 AUD	Bác Nguyễn Kim Linh	200 AUD
Bác Vũ Nhuận	200 AUD	Bác Nguyễn Duy Lâm	200 AUD
Bác Nguyễn An Bình	200 AUD	Bác Nguyễn Công Thành	200 AUD

Chúng con xin chân thành cảm ơn quý Bác thuộc Gia đình An Phong Sydney đã quảng đại cộng tác với Học viện thánh Anphongsô trong công việc đào tạo các tu sĩ - linh mục thừa sai Dòng Chúa Cứu Thế, cách riêng là việc phát triển Thư viện thánh Anphongsô và phần mềm quản lý đào tạo.

Nhờ lời chuyển cầu của Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Thánh Tổ Anphongsô, các Thánh và Chân phúc trong Dòng, xin Thiên Chúa ban muôn phúc lành cho quý Bác cùng toàn thể Gia Đình.

Tu viện DCCT Mai Thôn, ngày 10 tháng 03 năm 2021
TM. Học viện thánh Anphongsô



LM. Giuse Đỗ Đình Tư, C.Ss.R.
Giám đốc Học viện

970 D Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (028) 3898 8239 – E-mail: anhanhvtanhanphongsos@gmail.com

NGÀY CHOPIN SINH, VẤN VƯƠNG VỚI SỢI TƠ TRỜI Hải Triều Ý Tâm

Nhân dịp kỷ niệm năm thứ 211 ngày Chopin sinh ra đời, nhằm ngày 1 tháng 3 năm 1810, lần đầu tiên cây đàn lịch sử của Chopin được cho phép đem ra trình tấu và công diễn miễn phí trên mạng Facebook. Nhắc tới Chopin, thì người chơi đàn dương cầm nào đều không thể không biết đến ông.

Một chàng thi sĩ đa tình, đa cảm, một hôm ôm đàn đến giữa đời, cách nay đúng 211 năm trước.

Chàng chỉ biết làm thơ bằng âm nhạc. Bằng cây đàn dương cầm yêu quý nhất đời mình. Tận hiến tất cả những nét buồn vui cho người yêu nhạc dương cầm, thể loại cổ điển. Để rồi, tiếng đàn Chopin, đã cất lên những giai điệu thiết tha nhất, dành độc quyền cho giòng nhạc này. Đúng là:

*'Ngày Chopin sinh, trời cho làm thơ,
vấn vương với sự tơ trời, tình người đa đoan'.*

Ừ phải đấy, tình người thì phải đa đoan, như cách nói của thi sĩ Đoàn Thị Tảo trong bài 'Chị tôi', đã được nhạc sĩ Trọng Đài phổ thành nhạc. Cho nên cuộc đời mới là thơ là nhạc, cho tình chợt vút lên khơi, cho người biết thương người. Cho trời không nín gió, chờ ngày người ấy được sinh ra đời, hóa thành điệu đàn bay bổng xuống trần gian.

Và cây đàn đã thần thánh hóa thế giới Chopin ấy, đến từ đất nước Pháp vô cùng lãng mạn. Nó là cây đàn cổ nhãn hiệu Pleyel, sản xuất năm 1847, được Chopin trân trọng mua về đặt ngay giữa phòng khách cho đến khi ông qua đời 2 năm sau đó (1849). Hiện cây đàn này thuộc quyền sở hữu của thành phố Hamburg bên Đức, và không ai được phép đụng vào cho mãi đến hôm nay.

Cũng chính trên cây đàn này, biết bao tuyệt phẩm dương cầm đã vì nó mà chào đời qua mười ngón tay ngà Chopin. Biết bao nhiêu nhạc sinh đã được ông thầy đàn Chopin truyền dạy cho. Làm nên phong cách Chopin, phong cách Pháp, và cả Ba Lan nữa.

Trải với thời gian trên hai trăm năm lẻ đã trôi qua, phong cách Chopin nay đã bị phân hóa thành hai đại môn phái. Môn phái Pháp thoát tiên được xem là đại phái duy nhất kế thừa truyền thống Chopin. Bởi vì tổ tiên Chopin là người Pháp, di cư sang Ba Lan làm ăn và sinh Chopin tại đó. Đến khi Chopin lớn lên, lại quay về với kinh thành ánh sáng bên Pháp, đi lưu diễn khắp nơi và sống bằng nghề dạy đàn.

Cùng lúc ấy, nước Nga xưa quân xâm lấn Ba Lan và Chopin bỗng trở nên dân tỵ nạn, sống lưu vong vô tổ quốc rồi qua đời trên đất Pháp. Tình cảnh đáng thương chẳng khác gì không khí ngày 30 tháng tư đổ ập lên nửa phần đất nước Việt Nam mình vậy.

Tiếc là truyền thống Chopin bên Pháp đến nay gần như đã tuyệt tự hẳn. Cho nên cách đây mấy năm, người ta đã vội thu thập lại những tàn tích đã làm nên một thời hoàng kim Chopin trên đất Pháp. Gom góp các bản ghi âm từ rất xa xưa để kịp thời lưu lại cho mai hậu, tạm gọi là phong thái Pháp. Một phần dẫn đến tình trạng trên, có lẽ là do nước Pháp đã thu nhận các giáo sư nước ngoài vào dạy ở các Nhạc viện, làm mai một đi truyền thống xưa.

Ngày nay, người yêu nhạc muốn tìm nghe lại cách chơi đàn đúng theo lẽ lối Pháp năm xưa, thì phải chịu khó tìm đến các nước cựu thuộc địa xa xôi. Như Hà Nội những năm trước 54, Sài Gòn miền Nam trước 1975, và vươn ra các cộng đồng người Việt tại hải ngoại cho đến bây giờ.

Có thể kể đến một số tên tuổi lừng lẫy một thời, như bà Nguyễn Văn Ty nữ danh Thái Thị Lang, là di ruột *Đặng Thái Sơn* (riêng *Đặng Thái Sơn* và mẹ là bà *Thái Thị Liên* đã ngả sang trường phái Nga), bà *Đỗ Thế Phiệt* nữ danh *Nguyễn Thị Ngọc Huyền*, em ruột nữ danh ca *Minh Trang* và là di ruột dương cầm thủ *Cao Xuân Ái Minh*, nhạc sư *Nghiêm Phú Phi, Văn Phụng, Nguyễn Ánh 9*, hoặc xa hơn nữa là thế hệ *Nguyễn Xuân Khoát, Võ Đức Thu, Võ Đức Tuyết, Trần Văn Lý, Trần Văn Nhơn*, v.v...

Tiếng dương cầm đặc thù của Pháp nay đã bị mất đi thật là uổng quá. Những ai đã từng nghe qua, hẳn sẽ chẳng tài nào quên được. Tiếng đàn nhà ngọc phun châu, rải đều tằm tấp, óng ánh muôn vạn sắc màu. Muốn luyện đàn theo môn phái Pháp, thì từng tiếng phải rõ không được dính chùm với nhau như các lối chơi thường gặp.

Dùng lực truyền sang các ngón tay, tuyệt đối cấm kỵ di động cổ tay, vỗ xuống phím đàn làm sao phát ra tiếng nhẹ trong, nhanh gọn. Nghe như từng hạt châu lấp lánh tỏa sáng trên râu chuỗi đeo cổ người phụ nữ, mà dân nhà nghề gọi là '*jeu perlé*'. Tiếng đàn ấy đã được mô tả trong 'Tỳ bà hành' của Đông phương, rằng:

*'Tiếng cao thấp lẫn chen liền gảy,
Mâm ngọc đầu bóng nảy hạt châu'.*

Tiếng đàn nảy lộc đâm chồi, tuôn róc rách như giòng suối tơ vương, như 'cùng một lúa bên trời lặn đặng, gặp gỡ nhau lợ sẵn quen nhau'. Ôi nhớ sao là nhớ, tiếng nỉ non se sắt bên mấy cung đàn. Nhớ 'tiếng dương cầm, giọng hát trẻ thơ' của khung trời buổi sáng mùa Xuân Ngô Thụy Miên. Hay tiếng 'trầm trầm êm êm thánh thót, nhịp nhàng khoan thai thắm thiết'. Để cõi lòng Văn Phụng được 'tung bay thướt tha', 'riêng mình ta đây với ta, chìm đắm trong một giấc mơ'.

Nhớ quá người ơi, 'Chopin ngày xưa vì ai dệt nên câu nhạc lâm ly', để bên 'nhạc lòng đưa câu luyến tiếc'. Cho cõi lòng ai mong chờ! Truyền thống dương cầm của Pháp là thế đấy!

Vì môn phái Pháp bị suy vi nhanh quá, do các ảnh hưởng ngoại lai du nhập vào, nên môn phái Ba Lan đột nhiên nổi lên ngay tại chính sinh quán của *Chopin*. Như là truyền thống tiếp nối tiếng đàn *Chopin* cho đến thời điểm hiện tại. Lý do là bởi hồi đó, *Chopin* đã ủy thác người đại đệ tử gốc Ba Lan là *Karol Mikuli* tìm đường quay về nơi cố quốc để truyền lại những ngón nghề cho lớp hậu sinh bên đó.

Phong cách Ba Lan bắt đầu từ đây, tuy ra đời muộn màng nhưng dần dà trở nên tiếng nói chính thức của truyền thống *Chopin*. Giải đua tài *Chopin* được tổ chức ở thủ đô Warsaw bốn năm một lần với mục đích lưu giữ lại những ngón nghề tuyệt kỹ ấy. Nhờ vậy mà Đặng Thái Sơn đã thắng giải nhất cuộc thi hồi năm 1980. Còn ai chơi điệu 'Mazurka' và 'Polonaise' phóng khoáng bằng người Ba Lan. Các tên tuổi gợi nhớ một trời kỷ niệm như *Rubinstein, Paderewski, Godowsky, Zimmerman, Ax, Harasiewicz, Michalowski*, v.v...

Để bây giờ, hơn hai trăm năm sau đó, đài phát thanh Ba Lan tổ chức buổi kỷ niệm sinh nhật *Chopin*, không tìm đâu ra được người Pháp nào chơi đúng phong cách *Chopin*. Mà cây đàn cổ thì lại lưu lạc sang Đức, nên đành phải cộng tác với thành phố Hamburg tổ chức buổi thu hình vừa kể trên.

Người Đức không có truyền thống chơi *Chopin*, nên biết làm sao bây giờ. Đàn ở một nơi, người thì ở một nẻo. Nhưng dù sao cũng được nghe thanh âm tiếng đàn cổ, tiếng reo vang như hát, 'đùa giỡn trong tia nắng vàng'. Lại được cất tiếng vang xa trong phòng kiếng lộng lẫy ở tòa thị chính *Hamburg*, như được xem *Chopin* trình diễn dưới ánh đèn sân khấu năm nào. Mờ mờ ảo ảo, thực thực hư hư.

Tiếng đàn tiếng nhạc lững lờ trôi xuôi, như con thuyền một ngày rời xa bến vắng hai trăm năm trước, biết đâu là bến bờ. Mà chắc gì xa cách đã mấy trăm năm, cây đa bến cũ có còn một lòng một dạ, mong ngóng con thuyền năm xưa làm chuyến quay về lại không nhỉ.

Cảm ơn cây đàn *Pleyel*, đã đưa tôi trở về với con thuyền chở đầy kỷ niệm. Kỷ niệm nào mà chẳng vẫn luôn sắt son đợi chờ chính mình đến lay nó thức dậy. Tôi cũng vậy. Ngồi nhớ lại năm xưa, từ khi còn bé lắm, tôi mới khoảng hai ba tuổi gì đó thôi.

Nhà tôi thì ở góc Thi Sách và Thái Lập Thành nên một hôm, bố mẹ dắt tôi đi lễ nhà thờ St Paul đường Cường Để gần đó. Tôi thì cứ mon men chạy đến cây đàn dương cầm mà các soeurs đang đàn hát say sưa bên gian trái nhà thờ, hướng lên cung thánh. Dĩ nhiên cũng không chịu đi, mắt thì dí sát vào bàn phím, lòng tự hỏi: 'Quái! Sao các soeur khổ nhọc vào là nó bật lên thành tiếng nhỉ, nghe nhẹ như khói, lướt êm như ru'.

Thế là tôi được bố mẹ cho học đàn với soeur *Pascal*, ăn ở nội trú trong Dòng từ sáng đến chiều mới đón về nhà. Thời đó là những năm 1976-77, các soeurs có nhận trông nhà trẻ, buổi trưa được ăn cơm và cho ngủ nữa. Các bà còn làm đủ mọi việc để sống qua ngày, nào là mở phòng châm cứu, lập tổ đan len đan nón vót lá làm chiếu làm quạt, và cả trồng chuối với rau cỏ để sinh huê lợi nữa.

Học đàn thì mỗi ngày, học ngay dưới tầng hầm nhà thờ. Mỗi lần đánh sai, khuy tay cử động, là bị cầm cây viết chì khẽ nhẹ vào tay: 'Hư nào, chỉ đánh bằng ngón thôi, cánh và cổ tay không được nhúc nhích'. Tôi còn nhớ dưới hầm có khoảng bảy tám cây đàn đủ mọi nhãn hiệu, nào là *Yamaha, Kawaii* của Nhật, *Erard* của Pháp, đủ cả. Vậy mà tôi chỉ để ý có mỗi cây đàn *Pleyel* màu gỗ gụ này thôi, đặt ngay dưới khung cửa sổ nơi cuối phòng. Và thế là tôi cứ nằng nặc đòi cho bằng được để chơi cây đàn ấy. Vì nó rất đặc biệt, lại không thấy ai chơi bao giờ cả.

Tôi để ý duy chỉ có cây *Pleyel* này là các soeurs phủ một tấm khăn trắng lên trên nắp, đặt ngay giữa là một khung ảnh bà soeur người da trắng hơi đứng tuổi, bên cạnh là lọ cắm bông

hồng nhung tươi tuyệt đẹp. Sau này tôi mới biết cây đàn này đã có mặt từ khi mới lập Dòng hồi năm 1861, và khung ảnh đó, chính là chân dung của Mẹ Bề Trên, vị sáng lập Dòng thánh lúc qua Sài Gòn. Cho nên các bà quý nó vô cùng, chẳng cho ai sờ vào.

Thế mới biết soeur *Pascal* cương tôi đến đường nào. Chính Soeur cho phép tôi được học với cây đàn đó, và sau này lớn lên một chút, được đến đợt đàn ở đó. Tôi chỉ nhớ là giọng đàn *Pleyel* khác hẳn với các cây đàn khác trong phòng. Tiếng ấm và vang xa, phím rất nhẹ, chẳng cần dùng lực nhiều mà vẫn phát ra tiếng đàn du dương như giọng các soeurs hát và cầu nguyện vậy.

Nhiều lúc nghe âm thanh dịu ngọt tẩm đầy mùi gỗ, thứ gỗ lên men như rượu nho vừa chín mùi, được ấp ủ lâu năm trong thùng gỗ. Bởi vì thùng đàn được làm bằng gỗ rất nặng, khác với khung cốt sắt của các loại đàn sau này. Cho nên khi chơi các đàn khác, tôi cảm thấy âm thanh bị gắt do các thanh sắt, thanh đồng va chạm vào nhau, chứ không được thanh thoát như *Pleyel*.

Thời gian thấm thoát trôi qua, tôi đã mài miết với những tháng ngày đợt đàn trong khung cảnh êm ấm bên các soeurs *St Paul* đường *Cường Để*. Sau những giờ tan học ở trường tiểu học Võ Trường Toản đối diện vườn Bách Thảo, là tôi đi bộ vào cổng nách phía sau nhà giòng, chỗ trường Đại Học Sư Phạm bây giờ, để lên đợt đàn rồi mới về nhà. Có những buổi, một mình tôi lang thang khắp nhà thờ, leo cả lên tòa tháp chuông cao vút, nơi có dây cầu thang hình tròn ốc ngó rất hấp dẫn với đầu óc trẻ thơ non dại như tôi.

Cũng vào thuở đó, những năm cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80 thì phải, nhà thờ chưa được phép sử dụng cổng chính trên đường *Cường Để*. Muốn đi lễ là phải leo bậc thang vôi trắng nằm hai bên hông trái nhà thờ mà vào. Mãi sau này, khi tôi đã sang tới Úc, cách đây mấy năm có gặp một soeur từ bên nhà qua, cho biết cổng chính đã được phép mở lại.

Và cây đàn *Pleyel* từng gắn bó với tôi trong suốt mười năm thời niên thiếu, nay được đưa vào nhà lưu niệm của Dòng, tức là tầng hầm mà tôi đã được học đàn năm xưa. Vì đó là kỷ vật vô giá có tuổi đời trên dưới 150 năm kể từ thời lập Dòng. Và cũng để tôi có dịp bồi hồi lui về dĩ vãng xa xưa, bên cây đàn *Pleyel* yêu quý cả với *Chopin* nữa.

Nay ngồi nghĩ lại, cuộc đời nghệ sĩ nay đây mai đó như *Chopin*, suốt một thời rong ruổi, chỉ để ‘đi mãi tìm ai yêu đàn’ mà thôi. Tiếng đàn cổ ấy, biết bao năm nằm phơi sương trong một góc kẹt nào đó ở thành phố *Hamburg*. Nó đã bị bỏ lửng từ bấy lâu nay, bây giờ vừa nghe vài tiếng dạo qua, tuy chưa trọn khúc, tình đã ngát ngây. Lòng thầm cảm ơn ban tổ chức đã vì nghệ thuật mà chẳng tiếc công tiếc của, đưa tiếng đàn về vùng ánh sáng của nhân loại.

Mong rằng nó sẽ không còn im bật thêm hai trăm năm nữa. Để khách đa tình những ngóng cùng trông. Để đừng thêm cảnh nửa đêm thức giấc, băng khuâng nhớ tiếng đàn xưa, nghe như non nước thương sầu *Chopin*.

Hải Triều Ý Tâm

Mục lục

1. Cựu đệ tử DCCT Sydney họp mặt mừng Xuân Tân Sửu 2021 *Mây Chiều* ghi nhanh
2. Hãy trở dậy vì Người đã Phục Sinh *Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT*
3. Đêm chớm ngày tàn *Trần Ngọc Mười Hai*
4. Thiên Chúa yêu tất cả, còn chúng ta? *Lm Giuse Mai Văn Thịnh, DCCT*
5. Ngày Hiền Mẫu *Hoài Phong*
6. Đằm Mình Trong Vũng Tội (tiếp theo) *Gm John Shelby Spong*
7. Giọng cũ xa gần *Dân Gầy*